

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây hòa chung với sự đổi mới toàn diện của đất nước, kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế khu vực và quốc tế, tính cạnh tranh của môi trường quốc tế ngày càng thể hiện rõ hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh đó để tăng sức cạnh tranh của mình, các doanh nghiệp Việt Nam không có cách nào khác là phải nhanh chóng hoàn thiện mình và cần hoàn thiện mình và cần phải có chiến lược kinh doanh phù hợp với điều kiện hoàn cảnh khách quan của đất nước, của thế giới và của bản thân doanh nghiệp.

Bán hàng là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa gắn với phần lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng đồng thời được khách hàng thanh toán. Bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, đây là quá trình chuyển hóa vốn từ hình thái vốn sản phẩm hàng hóa sang hình thái vốn tiền tệ hoặc vốn thanh toán. Vì vậy đẩy nhanh quá trình bán hàng đồng nghĩa với việc rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, tăng nhanh vòng quay của vốn, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để thực hiện được qua trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, DN phải phát sinh các khoản chi phí làm giảm lợi ích KT trong kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc phát sinh nợ làm vốn chủ sở hữu. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu được các khoản doanh thu và thu nhập khác, đó là tổng giá trị các lợi ích KT thu được trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

KQKD là kết quả cuối cùng của hoạt động SXKD và hoạt động khác của doanh nghiệp. Sau một thời gian nhất định trên cơ sở so sánh doanh thu, thu nhập với chi phí của từng hoạt động. KQKD của doanh nghiệp phải được phân phối và sử dụng theo đúng mục đích, phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại hình DN cụ thể.

Công tác kế toán XĐKQKD rất phức tạp đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì quá trình XĐKQKD phải tổng hợp tất cả các khoản doanh

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

thu ,thu nhập khác và giá vốn hàng bán , chi phí hoạt động tài chính , chi phí bán hàng và CPQLDN để xác định được khoản lỗ lãi. Vì vậy quá trình hạch toán kế toán bán hàng và XĐKQKD hết sức quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số vấn đề làm ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của công ty như ; công tác kế toán của đơn vị vẫn còn làm thủ công.

Với mong muốn góp phần vào sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất nói chung và của công ty TNHH Minh Tuyết noi riêng . Sau khi nghiên cứu và nhận thức rõ tính cấp thiết của vấn đề đang đặt ra từ thực tiễn em xin mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu và hoàn thành báo cáo tốt nghiệp với đề tài : **kế toán bán hàng và XĐKQBH tại công ty TNHH Minh Tuyết**

Bài luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về công ty TNHH Minh Tuyết.

Chương 2:Thực trạng kế toánbán hàng và XĐKQ bán hàng ở công ty TNHH Minh Tuyết

Chương 3: Một số ý kiến góp phần nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng của công ty TNHH Minh Tuyết

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MINH TUYẾT

1.1 Quá trình hình thành và sự phát triển của công ty TNHH Minh Tuyết

1.1.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH Minh Tuyết

Tên công ty: Công ty TNHH Minh Tuyết

Trụ sở chính :21 Bùi Thị Xuân- Phường Ngọc Trạo-TPTH

Địa điểm sản xuất : Quốc lộ 1A – Quảng Thịnh – Quảng Xương –
Thanh Hóa

Điện thoại:0903253317

Fax: 037753172

MST: 2800657623

1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Sau khi trao đổi các thành viên thống nhất lấy tên công ty là: Công ty TNHH Minh Tuyết gọi tắt là công ty Minh Tuyết. Được thành lập theo luật doanh nghiệp của nước CHXHCNVN hoạt động theo nguyên tắc tự quản các thành viên cùng góp vốn tự quyết định về phương hướng sản xuất tự chịu trách nhiệm về thu nhập và lỗ lãi ,cùng được hưởng lợi nhuận , cùng chịu lỗ tương ứng với phần góp vốn vào công ty.

Từ năm 2004 đến năm 2009 trong giai đoạn này nhiệm vụ chủ yếu của công ty là sản xuất hàng may mặc sản phẩm chủ yếu là hàng đồng phục cho các bộ ngành tổ chức phục vụ nhu cầu trong và ngoài tỉnh .

Từ 2010 đến nay giờ đây công ty có một vị trí mới , tư cách mới cho thị trường đòi hỏi công ty phải có nhiều thay đổi về tư duy , chiến lược kinh doanh để thích nghi với điều kiện mới . Trải qua 18 năm phát triển và trưởng thành , cùng với sự thay đổi của lịch sử công ty đã trải qua bề dày lịch sử hoạt động và phát triển , cán bộ công nhân viên công ty vẫn giữ vững được tinh thần lao động tiếp tục , đưa công ty ngày càng phát triển hơn . Với chính sách thực hiện đổi mới công nghiệp hóa hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật , công ty luôn đảm bảo cung ứng một cách đầy đủ kịp thời nhanh chóng cho mọi đối tượng khách hàng đúng chủng loại , chất lượng tốt ,giá cả hợp lý . Hiện nay chiến lược kinh

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

doanh của công ty là duy trì , giữ vững những khách hàng truyền thống đồng thời không ngừng tìm kiếm khách hàng.

Nghành nghề kinh doanh của công ty là sản xuất hàng may mặc gia công hàng may mặc sản xuất hàng may mặc theo đơn đặt hàng, thiết kế may đo mẫu đồng phục , mua bán phụ liệu hàng may mặc. Nhờ sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong công ty mà sản lượng của công ty khá tốt góp phần không nhỏ vào sản lượng toàn ngành dệt may Việt Nam . Đồng thời công ty cũng nhận được nhiều đơn đặt hàng. Với thị trường rộng lớn ,nhiều cơ hội và đầy thách thức ,ban giám đốc cùng toàn bộ tập thể cán bộ công nhân nhân viên trong DN luôn trăn trở ,cố gắng trong việc hoàn thiện sản phẩm , tìm hiểu thị trường . Mỗi sản phẩm đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất giúp công ty có những kinh nghiệm và mở rộng hợp tác sang nhiều thị trường mới. Một tập thể đoàn kết ,sự tâm huyết của ban giám đốc của hơn 100 cán bộ công nhân viên có đầy đủ năng lực ,tay nghề cao ,sản phẩm của doanh nghiệp đang chiếm lĩnh thị trường.Công ty không ngừng hoàn thiện mình hơn để tạo ra những sản phẩm dệt uy tín chất lượng với giá cạnh tranh nhất định

1.2. Đặc điểm hoạt động và cơ cấu tổ chức SXKD, tổ chức bộ máy của công ty TNHH Minh Tuyết

1.2.1. Đặc điểm hoạt động của công ty.

- Nguyên tắc và mục tiêu hoạt động:

Ngay từ đầu doanh nghiệp đã xây dựng phương châm “ sự hài lòng của khách hàng là thành công chính của chúng tôi” trong từng hoạt động để mỗi sản phẩm của doanh nghiệp đến với khách hàng đáp ứng mỗi yêu cầu về chất lượng, mẫu mã giá cả

- Mục tiêu đóng góp chung vào sự thành công của ngành dệt may nước ta, DN luôn phấn đấu xây dựng bảo vệ thương hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao mở rộng sang thị trường lân cận, đầu tư phương tiện sản xuất chú trọng vấn đề nâng cao nguồn nhân lực, lợi ích cộng đồng.

- Điều đó được thể hiện bằng các chính sách:

- + Thỏa mãn nhu cầu và yêu cầu của khách hàng

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

+ Tăng cường tinh thần trách nhiệm tính chủ động sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của doanh nghiệp

+ Đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp

+ Vì lợi ích chung của mỗi thành viên và cộng đồng

+ Xây dựng doanh nghiệp trở thành doanh nghiệp điển hình

- Chính sách chất lượng đáp ứng các yêu cầu của ngành dệt may DN cam kết không ngừng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và người lao động bằng cách:

+ Áp dụng đầy đủ duy trì thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng

+ Trách nhiệm cộng đồng DN thực hiện tốt các chính sách về môi trường và những quy định của pháp luật đóng góp một phần công sức để xây dựng quỹ từ thiện phúc lợi xã hội

1.2.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất gia công quần áo

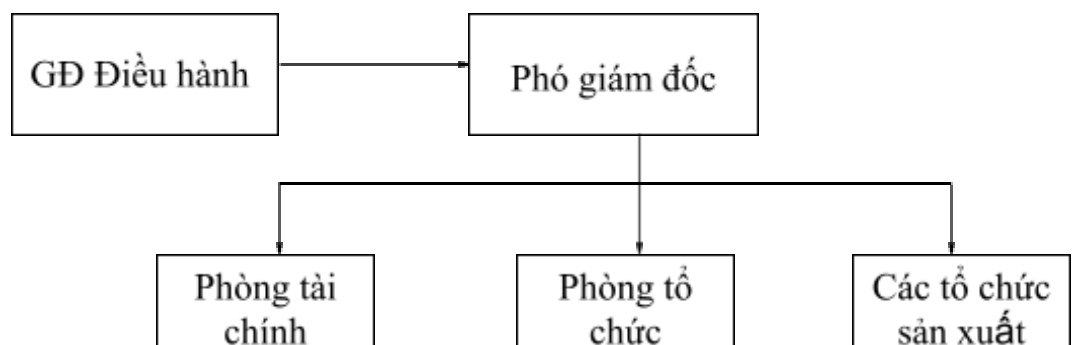
- Mua bán các phụ liệu may mặc

- Dạy nghề ngắn hạn cắt may công nghiệp, sửa chữa máy may công nghiệp.

1.2.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy của công ty

Công ty TNHH Minh Tuyết là đơn vị hạch toán kế toán độc lập, DN có quy mô sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ, số lượng cán bộ công nhân viên không nhiều mọi hoạt động của doanh nghiệp đều do bộ máy quản lý trực tiếp điều hành.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại:



Cơ cấu tổ chức của công ty gồm bộ máy lãnh đạo các phòng ban, giúp việc lãnh đạo trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD và tổ chức sản xuất, bao gồm:

1- Giám đốc công ty : Chịu trách nhiệm trước pháp luật và điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Giám đốc trực tiếp phụ trách bộ phận bán hàng phòng tổ chức hành chính, phòng tổ chức kế toán, trợ lý giám đốc về vật tư nguyên vật liệu. Mọi hợp đồng kinh tế mua bán, đặc biệt là phiếu chi xuất tiền mặt, tiền vay ngân hàng nhất thiết phải là giám đốc không ủy quyền cho bất cứ ai.

2- Phó giám đốc: Là người giúp việc cho giám đốc, phụ trách sản xuất, giúp việc cho phó giám đốc có quản đốc, phó quản đốc phân xưởng và các tổ trưởng.

3- Phòng tài chính: Có nhiệm vụ hoạch toán tài chính của doanh nghiệp theo dõi các chỉ tiêu cân đối tài chính theo chế độ hạch toán kế toán hiện hành, phòng có nhiệm vụ quyết toán lỗ lãi và điều hòa vay vốn phục vụ cho SXKD của doanh nghiệp. Cụ thể bố trí vốn cho cung ứng vật tư tiền lương quản lý tài sản của công ty, xây dựng mức chi phí tiền lương.

4- Phòng tổ chức: Chịu trách nhiệm quản lý cán bộ công nhân viên chức các tổ chức của doanh nghiệp. Thực hiện sắp xếp nhân viên công nhân lao động và tính hệ số lương cho nhân viên và người lao động chế độ chính sách nhà nước đối với cán bộ công nhân viên trong công ty trình giám đốc và phó giám đốc chịu trách nhiệm quản lý bộ phận bảo vệ của công ty.

5- Các tổ sản xuất : Chịu sự điều hành trực tiếp cả phó giám đốc phụ trách sản xuất, thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch hàng tháng mà giám đốc đã phê duyệt theo từng công đoạn được giao áp dụng công nghệ quy trình sản xuất của doanh nghiệp và đề xuất với giám đốc khi có yêu cầu

-Hình thức chỉ huy sản xuất: Tổ chức sản xuất theo dõi, hướng dẫn đơn đốc công nhân sản xuất theo đúng yêu cầu quy trình công nghệ, đúng số lượng

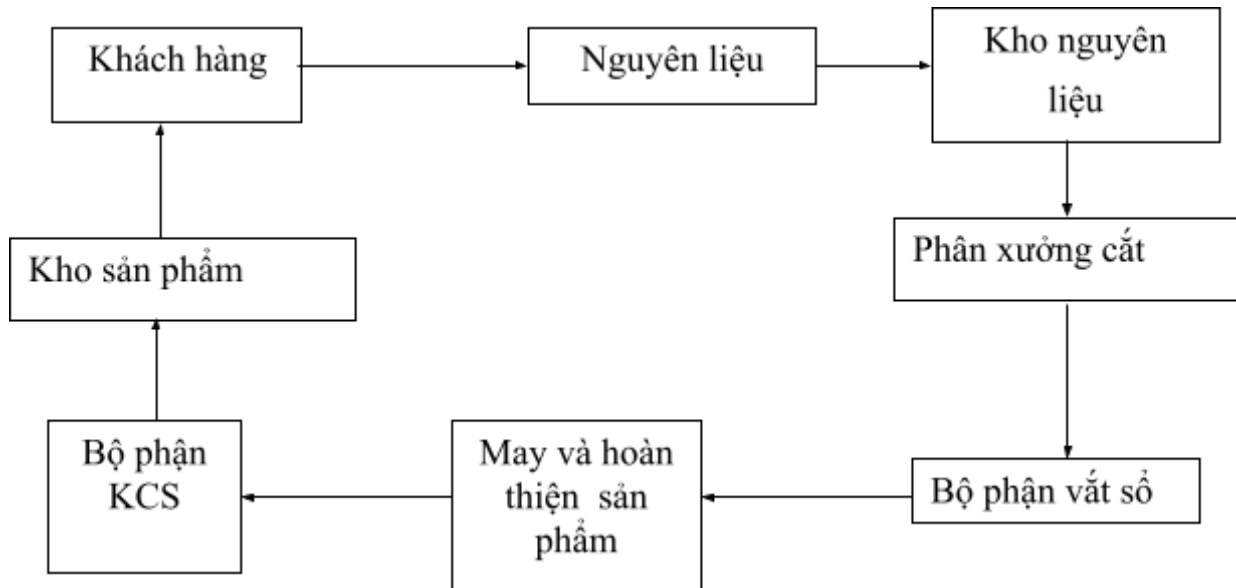
Báo cáo thực tập tốt nghiệp

chất lượng sản phẩm theo yêu cầu để giúp cho việc thực hiện tiến độ sản xuất được liên tục , đảm bảo năng suất lao động và tính kỷ luật của người lao động.

1.2.4 Đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty

Công ty TNHH Minh Tuyết là công ty sản xuất gia công hàng may mặc. Đối tượng là vải được cắt may thành nhiều mặt hàng khác nhau thành nhiều mặt hàng khác nhau với kỹ thuật kích cỡ , mức độ phức tạp khác nhau .Các mặt hàng cùng được tiến hành trên một dây chuyền được may từ nhiều loại vải khác nhau hoặc nhiều mặt hàng may từ một loại vải do đó cơ cấu chi phí chế biến và định mức từng mặt hàng khác nhau. Đặc điểm tổ chức của công ty là sản xuất phức tạp theo kiểu chế biến liên tục kết hợp với các kiểu song song . Sản phẩm của công ty là hàng may mặc vì vậy có nhiều chủng loại khác nhau. Tuy nhiên nhìn chung chúng đều trải qua nhiều giai đoạn sản xuất kế tiếp theo quy trình công nghệ sau:

Sơ đồ: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm



Quy trình này được bắt đầu từ việc ký kết hợp đồng với khách hàng, căn cứ vào hợp đồng cụ thể là các loại hàng được đặt may,

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Công ty quyết định xem loại nguyên liệu nào là phù hợp, nguyên vật liệu chính là các loại vải được xí nghiệp mua về nhập kho hoặc có thể do của khách hàng mang đến. Căn cứ vào định mức nguyên

Vật liệu cho sản phẩm vải được xuất kho đưa xuống phân xưởng cắt theo phiếu xuất kho, phân xưởng cắt làm nhiệm vụ cắt theo số đo từng người, đánh số ký hiệu theo phiếu đặt may. Sau đó bán thành phẩm được chuyển cho bộ phận vắt sổ. Sau đó chuyển cho các phân xưởng may tùy theo yêu cầu của từng loại sản phẩm. Tại các phân xưởng của mỗi công nhân có trách nhiệm hoàn thiện bán thành phẩm đã được giao căn cứ vào trình độ tay nghề.

Và cùng với sự giám sát nhân viên kỹ thuật tại phân xưởng. Trước khi nhập kho, sản phẩm phải được hoàn thiện ở công đoạn cuối cùng: thừa khuyết, đính khuy, là phẳng và đóng gói

Sau khi sản phẩm được hoàn thành nhập kho tùy theo hợp đồng ký kết có thể giao tận nơi cho khách hàng hoặc giao ngay tại kho

Như vậy ta thấy quy trình sản xuất của công ty là liên tục, trải qua nhiều giai đoạn kế tiếp nhau, sản phẩm của giai đoạn này là nguyên liệu của giai đoạn tiếp theo, sản phẩm được chia nhỏ cho nhiều người và cuối cùng ghép nối lại thành sản phẩm hoàn chỉnh. Mặt hàng có thể may từ nhiều nguyên liệu khác nhau chủ yếu là vải hoặc một loại vải có thể may được nhiều mặt hàng khác nhau.

Sản phẩm của công ty thường là sản phẩm đơn chiếc vì được may đo cho từng người theo số đo cụ thể. Do đó đòi hỏi phải có sự theo dõi và kết hợp chặt chẽ giữa các khâu của quy trình sản xuất

1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty

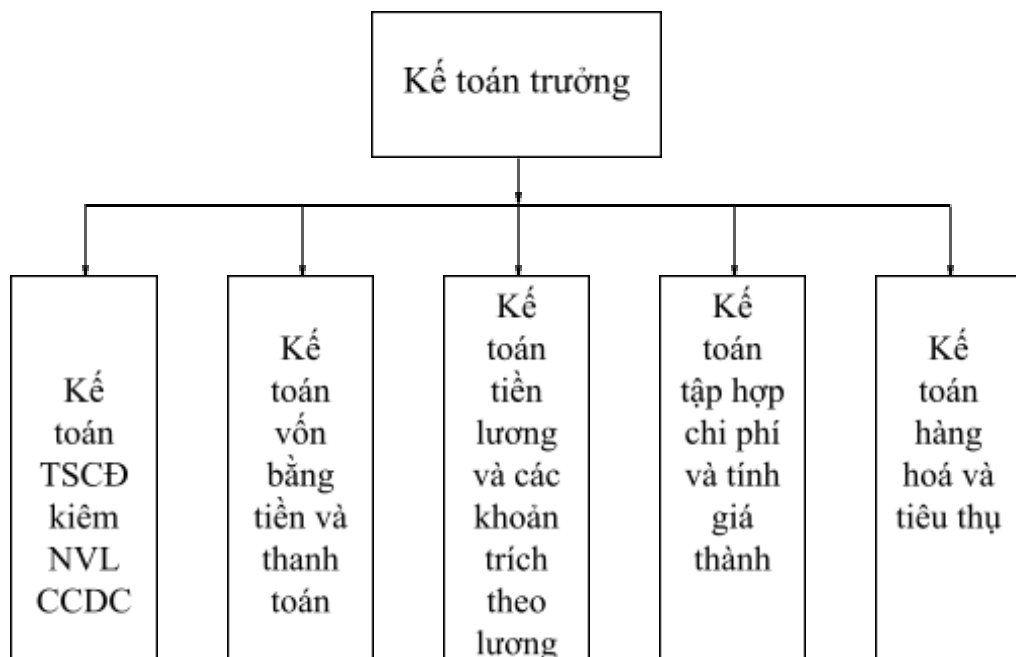
1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty TNHH Minh Tuyết được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung có liên quan trực tiếp tới bộ máy quản lý. Nhiệm vụ và chức năng của bộ máy kế toán là tổ chức công tác kế toán thực hiện việc ghi chép phân loại tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế. Do vậy cơ cấu bộ máy kế toán cần gọn nhẹ hợp lý hoạt động có hiệu quả đó là điều quan trọng để cung cấp

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

thông tin kịp thời phát huy và nâng cao trình độ kế toán của cán bộ công nhân viên của công ty. Toàn bộ công tác kế toán kế toán được tập trung tại phòng tài chính kế toán.

Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty:



*Chức năng nhiệm vụ của phòng kế toán

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác kế toán tài chính của doanh nghiệp điều hành công việc chung của phòng kế toán , lập báo cáo tài chính theo từng kỳ , XĐKQKD của doanh nghiệp.

- Kế toán tài sản cố định , nguyên vật liệu công cụ dụng cụ trực tiếp theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định , tình hình xuất nhập nguyên vật liệu công cụ dụng cụ trong kỳ . Tới cuối kỳ cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành.

- Kế toán vốn bằng tiền thanh toán: giúp kế toán trưởng xây dựng quản lý kế hoạch tài chính của doanh nghiệp ghi chép phản ánh số liệu và tình hình

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

biến động các khoản vốn bằng tiền . Ghi chép kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết tiền vay công nợ.

- Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Trích lương và các khoản trích trả có tính chất lương cho người lao động doanh nghiệp ghi chép kế toán tổng hợp , tiền lương quỹ BHXH,BHYT.

- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: ghi chép chi tiết chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh trong kỳ và tính giá thành sản xuất của sản phẩm đánh giá sản phẩm dở dang , ghi chép kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản xuất sản phẩm.

- Kế toán hàng hóa tiêu thụ: Kế toán có nhiệm vụ tổ chức hạch toán bán hàng sổ chi tiết giá vốn , sổ chi tiết các khoản phải thu khách hàng và báo cáo doanh thu bán hàng.

1.3.2 Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán là hệ thống sổ kế toán sử dụng kế toán để ghi chép hệ thống hóa và tổng hợp số liệu từ các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Hình thức tổ chức sổ kế toán bao gồm : số lượng các loại sổ kế toán chi tiết sổ kế toán tổng hợp ,kết cấu sổ, mối quan hệ kiểm tra đối chiếu giữa các sổ , trình tự và phương pháp ghi chép cũng như việc tổng hợp số liệu đó lập báo cáo kế toán. Để phù hợp và thuận lợi trong công tác hạch toán kế toán doanh nghiệp sử dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

* Các loại sổ kế toán kết cấu mẫu sổ và cách ghi chép sổ để hệ thống hóa thông tin theo hình thức chứng từ ghi sổ.

- Sổ kế toán tổng hợp: bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái.

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dùng để đăng ký các chứng từ ghi sổ đã lập và để hệ thống hóa thông tin về các nghiệp vụ kinh tế tài chính đã phát sinh đã lập chứng từ ghi sổ theo trật tự thời gian nhằm quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ đã lập và phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, không để thất lạc hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán tổng hợp. Số hiệu của chứng từ ghi sổ do kế toán viên lập và chứng từ ghi sổ trật tự theo số tự nhiên trong suốt niên độ kế toán ở sổ đăng ký chứng từ ghi sổ hoặc có thể ghi theo từng quý (kỳ kế toán).

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

+ **Sổ cái** : Là **sổ** tài khoản cấp 1 . **Sổ** cái có thể đóng thành quyển hoặc để rời rồi song phải đánh số trang **sổ** cái đăng ký theo quy định.

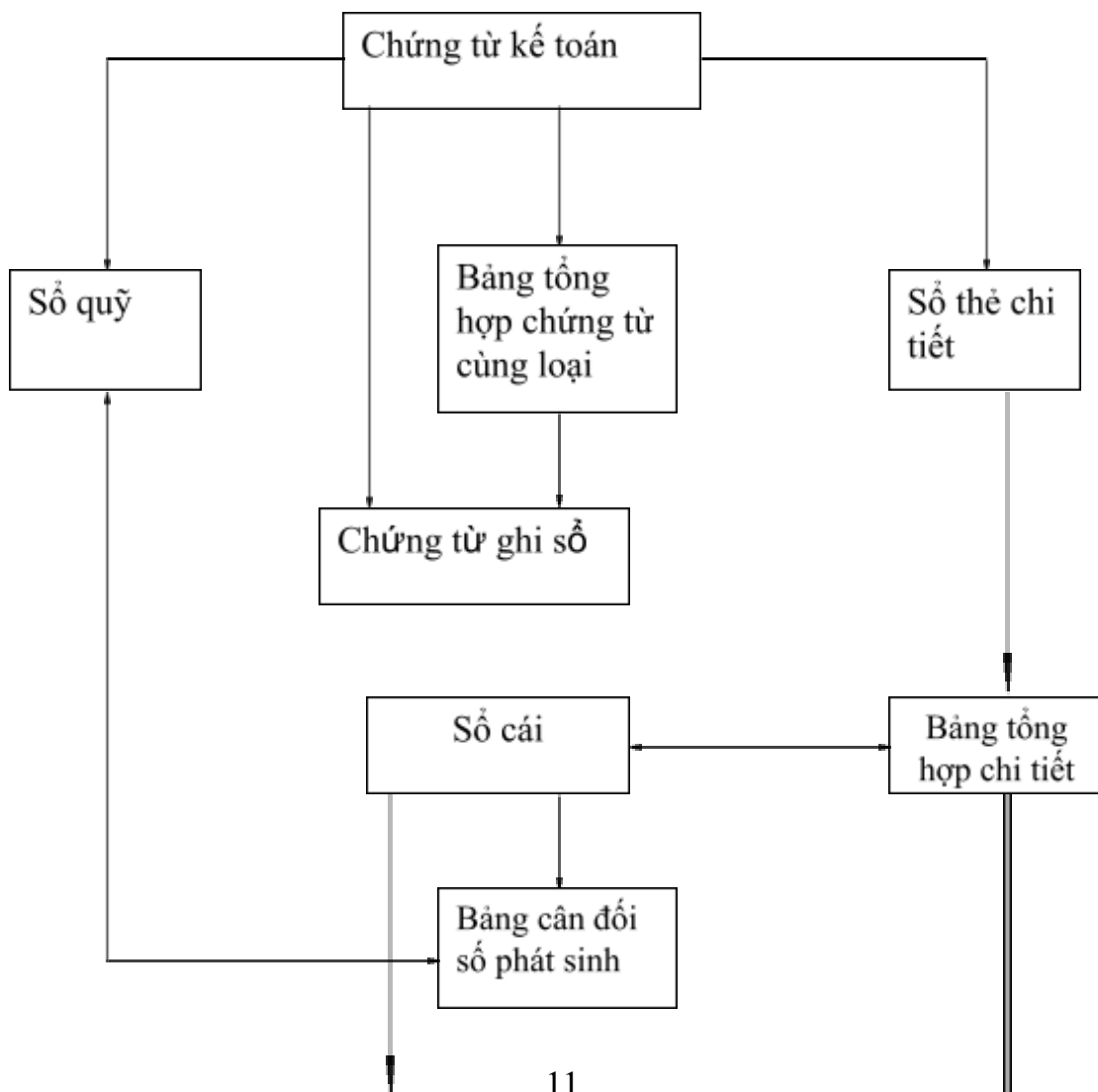
- Sổ kế toán chi tiết : Cũng được mở ra cho tất cả các tài khoản cấp 1 cần theo dõi như các hình thức kế toán khác

* Kế toán trình bày quy trình tổng hợp và lập các báo cáo tài chính sau:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra để đáp ứng nhu cầu của quản lý doanh nghiệp còn ban hành thêm các báo cáo khác có tính quản trị giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình tài chính kinh doanh của doanh nghiệp từ đó xác định phương hướng và các quyết định trong kinh doanh

Sơ đồ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Báo cáo tài chính

Ghi chú : —————→ : Ghi hàng ngày
 —————→ : Ghi cuối tháng
 ←————— : Đối chiếu kiểm tra

- Phòng kế toán lập và gửi báo cáo tài chính vào cuối quý vào cuối niên độ kế toán

(năm dương lịch) nhằm phản ánh tổng quát tình hình kết quả SXKD của công ty cho ban giám đốc , các đối tượng khác ngoài công ty.

- Công ty lập cả 4 báo cáo tài chính : bảng cân đối kế toán , báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Cuối kỳ công ty còn lập bảng tổng hợp tài sản cố định , báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, báo cáo bán ra, báo cáo mua vào (theo tháng) , báo cáo chi phí bán hàng , báo cáo chi phí QLDN, báo cáo chi phí dịch vụ.

- Định kỳ hàng quý các đơn vị trực thuộc nộp báo cáo lên phòng kế toán công ty để quyết toán. Các cán bộ chuyên quản có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động kế toán ở đơn vị cấp dưới . Trên công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ tiếp nhận nhiệm vụ kiểm tra định kỳ tháng một.

- + Công ty hạch toán theo tháng , quý , năm.
- + Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK
- + Công ty nộp thuế gtgt theo phương pháp khấu trừ
- + Phương pháp xác định giá vốn hàng tồn kho theo phương bình quân

1.3.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ

Công ty áp dụng chế độ chứng từ kế toán theo quyết định 15 của bộ tài chính.

- Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán bán hàng:
 - + Hóa đơn GTGT

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

+ Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho

+ Phiếu thu tiền mặt

+ Giấy báo có của ngân hàng

+ Bảng kê hàng hóa bán ra

+ Các chứng từ , bảng kê tính thuế

- Trình tự luân chuyển chứng từ:

+ Lập tiếp nhận , xử lý chứng từ

+ Kế toán viên , kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán hoặc trình giám đốc công ty ký duyệt

+ Phân loại , sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán.

1.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Công ty áp dụng hết các tài khoản trong và ngoài bảng

* Nhóm tài khoản sử dụng phản ánh doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu:

- Tài khoản 511 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ hoạch toán của HĐSXKD

- TK 512 doanh thu bán hàng nội bộ dùng để phản ánh doanh thu của sản phẩm hàng hóa lao vụ , dịch vụ tiêu thụ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty.

- TK 521 chiết khấu thương mại phản ánh số tiền doanh nghiệp giảm giá khi khách hàng mua hàng với khối lượng lớn

- TK 531: Hàng bán bị trả lại phản ánh được doanh thu của số thành phẩm đã bán đã tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân lỗi thuộc về doanh nghiệp.

- TK 532 giảm giá hàng bán được dùng để phản ánh các khoản giảm bớt giá cho khách hàng do thành phẩm hàng hóa kém chất lượng không đúng yêu cầu của khách hàng.

- TK 131 Phải thu khách hàng phản ánh các khoản phải thu của khách hàng về hoạt động tiêu thụ hàng hóa và tình hình hành toán các khoản phải thu.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

- TK 333 thuế và các khoản phải nộp phản ánh tình hình thanh toán với nhà nước về thuế và các nghĩa vụ khác. Tài khoản này có các tài khoản cấp 2 sau:

- + TK 3331 thuế gtgt phải nộp
- + TK 3332 thuế TTĐB
- + TK 333 thuế xuất nhập khẩu

- TK 3387 doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền mà doanh nghiệp nhận trước cho nhiều kỳ nhiều năm như lãi vay vốn, khoản lãi bán hàng trả góp.

* Nhóm tài khoản sử dụng để kế toán giá vốn hàng bán

- TK 632 giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm hàng hóa xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã thanh toán, các khoản được quy định tính vào giá bán và kết chuyển trị giá vốn hàng bán để XĐKQKD

- TK 155 thành phẩm phản ánh số liệu hiện có và tình hình tăng giảm thành phẩm theo giá trị thực tế

- TK 157 hàng gửi đi bán phản ánh trị giá thành phẩm hoàn thành đã gửi bán cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý ký gửi nhưng chưa được chấp nhận thanh toán

* Nhóm tài khoản sử dụng để kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN

- TK 641 chi phí bán hàng dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ để XĐKQKD

- TK 642 chi phí QLDN dùng để tập hợp và kết chuyển chi phí QLDN quản lý hành chính và chi phí khác liên quan đến hoạt động chung của đơn vị

* Nhóm tài khoản sử dụng để kế toán kết quả bán hàng

- TK 911 XĐKQKD phản ánh XĐKQHĐSXKD và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ hạch toán

- TK 421 lợi nhuận chưa phân phối phản ánh KQHĐKD và tình hình phân phối xử lý KQDK của DN

Ngoài các tài khoản chủ yếu trên kế toán bán hàng và XĐKQBH còn sử dụng các tài khoản liên quan khác như tk 111, tk 112

1.3.5 Tổ chức lập và phân tích báo cáo

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Hệ thống báo cáo tài chính công ty áp dụng ban hành theo quyết định 15 của bộ trưởng bộ tài chính

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch

Hệ thống báo cáo tài chính gồm :

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

BCKQHĐKD , báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bảng cân đối kế toán được gửi cho hội đồng quản trị , ban kiểm soát, để xem xét hiệu quả SXKD hàng năm và được gửi cho cục thống kê và cơ quan thuế kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán (chậm nhất là 60 ngày)

1.4 Những thuận lợi, khó khăn, hướng phát triển

1.4.1 . Thuận lợi:

Tại công ty TNHH Minh Tuyết việc tổ chức công tác kế toán được tập trung tại phòng kế toán, các phòng ban được kết hợp chặt chẽ với ban lãnh đạo của công ty, giúp cho việc chỉ đạo được nhanh chóng chính xác.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ với những nhân viên có năng lực nhiệt tình, trung thực trong công việc, được bố trí hợp lý, phù hợp với khả năng của từng người góp phần đắc lực vào việc quản lý của công ty và xây dựng hệ thống sổ sách kế toán, cách ghi chép, phương pháp hạch toán một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu, mục đích chế độ kế toán.

Về hình thức kế toán: Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Hình thức này rất phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Hệ thống tài khoản sử dụng: hiện nay công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản theo QĐ số 15 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Hệ thống chứng từ sổ sách sử dụng: chứng từ kế toán sử dụng trong công ty là những chứng từ hợp lệ đúng với mẫu quy định của bộ tài chính. Về việc luân chuyển chứng từ áp dụng hình thức đơn giản nhất và phù hợp với đặc điểm

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

của công ty đã tránh tình trạng chứng từ qua nhiều khâu sẽ kéo dài thời gian ghi sổ.

Đạt được kết quả như vậy phải nói đến sự lãnh đạo sáng suốt của ban lãnh đạo công ty và nỗ lực vươn lên của cán bộ cũng như nhân viên ở đây. Đặc biệt là đội ngũ kế toán được đào tạo khá vững chắc, nắm bắt thị trường thông tin nhanh nhạy, đưa thông tin tin cậy cho lãnh đạo để có quyết định đúng đắn hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện nay.

1.4.2 Khó khăn

Việc tổ chức bộ máy kế toán chủ yếu tập trung tại phòng kế toán của doanh nghiệp, ở các đơn vị trực thuộc không có nhân viên kế toán riêng mà công ty chỉ bố trí các nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện hạch toán ban đầu, thu thập, kiểm tra các chứng từ và lập kế hoạch gửi cho phòng kế toán. Điều này gây khó khăn cho việc thu thập các chứng từ của nhân viên kế toán thường chậm trễ.

Công ty chưa áp dụng hệ thống kế toán máy vào việc luân chuyển chứng từ nên việc hạch toán đang còn ứ đọng nhiều.

1.4.3. Hướng phát triển

Bộ máy kế toán: Tại các đơn vị trực thuộc nên bố trí các nhân viên kế toán để phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ chứng từ kế toán phát sinh trong kỳ. Tạo ra sự thống nhất đồng bộ về bộ máy kế toán trong toàn công ty.

Để thuận tiện hơn trong việc hạch toán kế toán thì công ty nên sử dụng hệ thống kế toán máy. Hệ thống kế toán máy đưa vào sử dụng sẽ giúp cho công ty rút ngắn thời gian vào sổ, giảm bớt công việc trùng lặp. Nên cho kế toán viên học lớp bồi dưỡng kế toán máy để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

Ban lãnh đạo công ty và phòng tài chính cần theo dõi, nắm bắt kịp thời các chế độ quy định của bộ Tài chính để tổ chức và thực hiện công tác kế toán tuân thủ theo pháp luật.

Kế toán đội cần phải theo dõi chặt chẽ và hạch toán chính xác kịp thời gửi về phòng tài chính công ty theo đúng quy định.

1.5 Những đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

1.5.1. Ưu điểm

- Công ty đã tuân thủ các quy định kế toán hiện hành và vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của mình. Các chứng từ kế toán được sử dụng phù hợp với nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo tính pháp lý cho việc ghi sổ kế toán.
- Trách nhiệm lập và ký duyệt chứng từ được quy định rõ ràng, cụ thể, quá trình lập và luân chuyển chứng từ được giám sát chặt chẽ. Chứng từ sau khi sử dụng được bảo quản, lưu giữ tại phòng kế toán.
- Hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ phù hợp với quy mô hoạt động không quá lớn và phức tạp của công ty.

1.5.2. Nhược điểm

- Kết quả của báo cáo kế toán phụ thuộc vào kết quả của các phần hành kế toán, do vậy khi một phần hành kế toán không hoàn thành công việc thì sẽ ảnh hưởng đến tiến độ lập báo cáo.
- Một nhân viên kế toán cùng một lúc đảm nhận 2 đến 3 phần hành kế toán nên nhiều lúc ảnh hưởng đến việc cập nhập chứng từ phát sinh nghiệp vụ trong kỳ.
- Kế toán trưởng đảm nhận cùng lúc quá nhiều công việc: vừa chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn hạch toán kế toán cho các nhân viên từng phần hành, đảm nhận việc lập báo cáo cuối kỳ, cuối niên độ...
- Công ty không lập báo cáo quản trị của các kế toán phần hành chủ yếu nên không có tác dụng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh.
- Về cơ cấu tổ chức, do số lượng kế toán còn ít nên có hiện tượng chồng chéo trong hoạt động, một nhân viên phải đảm nhiệm nhiều phần hành.

1.6 Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp

**BẢNG TÀI SẢN VÀ LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY
TỪ NĂM 2009 – 2011**

ĐVT: Triệu đồng

chỉ tiêu	năm 2009	năm 2010	năm 2011	Chênh lệch 2010/2009		Chênh lệch 2011/2010	
				tuyệt đối	Tương đối %	tuyệt đối	Tương đối %
tổng tài sản	7374	15491	29169	8117	110,07	13678	88,29
vốn chủ sở hữu	366	1148	2093	782	213,66	945	82,32
nợ phải trả	7008	14343	27075	7335	104,66	12732	88,77
Donh thu	10361	20660	30386	10299	99,4	9725	47,07
Ln trước thuế	128	328	625	200	156,2	297	90,5
Chi phí thuế	35	92	175	57	162,85	83	90,22
Ln sau thuế	92	236	450	144	156,5	214	90,67

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

tỷ lệ % VLĐ/VKD	21,6	24,4	33,9	2,8	12,96	9,5	38,93
tỷ lệ % VCĐ/VKD	78,4	75,6	66,1	-2,8	-3,57	-9,5	12,56
tỷ lệ % LN/TNV	1,74	1,59	2,05	-0,15	-8,62	0,46	28,93

(Nguồn : Báo cáo tài chính- Phòng kế toán)

Trong những năm qua công ty đã có bước phát triển đáng kể, không ngừng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Điều này được thể hiện rõ qua tình hình doanh thu , lợi nhuận , nộp ngân sách của doanh nghiệp trong 2 năm 2010-2011

Qua số liệu trên ta có thể thấy rằng trong cả 2 năm 2010- 2011 hoạt động SXKD của công ty đều mang lại hiệu quả điều này được phản ánh thông qua chi tiêu và lợi nhuận.

Doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009 là 10299 triệu đồng với tỷ lệ tăng tương ứng là 99,4% đến năm 2011 doanh thu vẫn tiếp tục tăng tương ứng 47,07% so với năm 2010.

Có thể là do các nguyên nhân sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu lên cao, như giá vải tăng cao, tỷ giá USD tăng làm chi phí mua nguyên liệu nhập khẩu tăng theo , các yếu tố như giá tiền điện , tiền nước tăng cũng làm tăng chi phí sản xuất làm cho lợi nhuận giảm .

+ Chi phí cho đầu tư xây dựng cơ bản , nâng cấp trang thiết bị sản xuất lớn cũng làm giảm lợi nhuận .

Nhưng bên cạnh đó tốc độ tăng lợi nhuận của công ty năm 2010 so với năm 2009 là 156,5% năm 2011 tăng 90,6% so với năm 2010 với tỷ lệ đó là khá cao.

Xét tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước trong hai năm qua ta thấy DN luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với nhà nước, thuế nộp cho ngân sách nhà nước tăng năm sau cao hơn năm trước cụ thể là năm 2010 tăng 57 triệu đồng so với năm 2009 , năm 2011 tăng 83 triệu đồng so với năm 2010

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Qua những phân tích trên về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty từ năm 2009 – 2011 cho thấy nhìn chung tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp là có hiệu quả tương đối tốt . tuy nhiên công ty cần phải tìm cách mở rộng hơn nữa thị trường tiêu thụ để có thể tăng doanh thu đem lại hiệu quả cao hơn nữa trong thời gian tới .

Nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp qua các năm tương đối ổn định. Tỷ lệ VLD/VKD giảm điều đó chứng tỏ lượng hàng tồn kho của công ty không lớn không bị ứ đọng.

Mặc dù tỷ lệ LN/TNV năm 2010 có giảm hơn so với năm 2009 nhưng đến năm 2011 công ty đã tìm ra được nguyên nhân và khắc phục được nên đã nâng tỷ lệ này lên 28,93% so với năm 2010

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XĐKQ BÁN HÀNG

2.1 Đặc điểm hoạt động bán hàng

Xuất phát từ phạm vi hoạt động, quy mô sản xuất và đặc điểm thành phẩm quá trình tiêu thụ ở công ty có những đặc điểm sau:

- Hình thức bán hàng chủ yếu của công ty là thu tiền ngay.
- Thành phẩm của công ty được tiêu thụ chủ yếu ở thị trường miền Bắc theo các hợp đồng ký kết. Việc bán hàng phát sinh ngay tại công ty.
- Khi xuất giao thành phẩm cho khách, kế toán viết hoá đơn bán hàng đồng thời tổ chức giao hàng ngay tại kho của công ty và nhận tiền ngay nhưng cũng có thể sau một thời gian nhất định khách hàng mới thanh toán.
- Trong một số ít trường hợp, công ty tổ chức giao hàng tận nơi cho khách căn cứ vào hợp đồng.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Khách hàng của công ty là những khách hàng quen, có quan hệ lâu dài với công ty: Viện kiểm sát, quản lý thị trường, kiểm lâm, công an, các trường học, văn phòng Nếu giá trị hợp đồng lớn thì khách hàng sẽ ứng trước tiền hàng.

- Ngoài ra, công ty còn tổ chức vận chuyển thành phẩm và tiêu thụ ở phía Nam việc bán buôn và bán lẻ cho khách hàng thông qua cửa hàng tại công ty.

- Để khuyến khích khách mua hàng, công ty có chế độ trích thưởng cho khách, mức trích căn cứ vào giá trị hợp đồng và phần chi phí này được lấy từ quỹ quản lý của công ty.

- Sản phẩm của công ty được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng trước khi giao cho khách hàng nên trường hợp hàng bị trả lại rất ít khi xảy ra, chỉ phát sinh do sai số, viết số đo không chính xác

- Các phương thức thanh toán chủ yếu là tiền mặt, ngân phiếu, séc...

- Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được xác định hàng tháng.

Từ những đặc điểm trên, công tác quản lý quá trình tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh phải đáp ứng yêu cầu sau:

- Quá trình tiêu thụ được quản lý chặt chẽ từ khi ký kết hợp đồng tiêu thụ, giao hàng cho khách hàng, thanh toán tiền hàng và xác định các khoản phải nộp cho Nhà nước sau đó xác định kết quả kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra hợp đồng tiêu thụ cũng như việc thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến tiêu thụ thành phẩm.

- Để thúc đẩy tiêu thụ thành phẩm, công ty còn đề ra những chính sách hỗ trợ tiêu thụ như: nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành ... Việc tìm kiếm khách hàng được công ty quan tâm đặc biệt.

2.2 Các phương thức bán hàng

Để tiêu thụ thành phẩm, doanh nghiệp sản xuất có nhiều phương thức.

- *Phương thức tiêu thụ trực tiếp:*

Đặc điểm :+Doanh nghiệp giao sản phẩm, hàng hoá cho khách hàng tại kho.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

+Khách hàng chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán ngay tại thời điểm nhận hàng.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:*

Đặc điểm : +Số tiền hoa hồng đơn vị làm đại lý được hưởng tính vào chi phí bán hàng.

+Khi đơn vị làm đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng thì số hàng đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng trả góp :*

Đặc điểm : + Tại thời điểm giao hàng cho khách hàng được coi là tiêu thụ ngay.

+ Khách hàng thanh toán tại thời điểm mua một phần hàng còn lại trả dần vào kỳ sau.

Ngoài các phương thức bán hàng chủ yếu trên còn có các phương thức bán hàng khác như bán theo hợp đồng, trả lương bằng sản phẩm hàng đổi hàng.

Tùy thuộc vào từng hình thức bán hàng mà doanh nghiệp ghi sổ kế toán, định khoản cho phù hợp.

2.3.Kế toán thành phẩm:

2.3.1.Đặc điểm thành phẩm của công ty :

Hiện nay may mặc là một trong những nhu cầu không thể thiếu được của xã hội loài người công ty TNHH Minh Tuyết đã phần nào đáp ứng được nhu cầu đó. Sản phẩm của công ty là quần áo trang phục đông hè được may theo đơn đặt hàng là chủ yếu .Thành phẩm chỉ được giao cho khách hàng ở bước công nghệ cuối cùng .

Sản phẩm của công ty rất đa dạng được chia thành nhiều loại tùy theo từng ngành (Quốc phòng ,ngành công an, kiểm lâm, kiểm soát, giáo dục, công sở và cho bán lẻ) và từng đơn đặt hàng.Vì vậy, Công ty luôn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng .

Sản phẩm của công ty là sản phẩm đơn chiếc vì đo, cắt, may cho từng người theo số nhưng việc tiêu thụ lại theo từng lô hàng, trong một số trường hợp là tiêu thụ đơn chiếc (khách hàng đặt may lẻ).

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Thành phẩm của công ty sản xuất xong đưa vào nhập kho và quản lý trong thời gian chờ khách hàng đến lấy hoặc chờ giao cho khách hàng.

2.3.2 Quy định về quản lý thành phẩm :

Sản phẩm của công ty được đưa vào kho hoặc giao ngay cho khách hàng ở bước công nghệ cuối cùng .

Sản phẩm của công ty luôn được kiểm tra chặt chẽ, chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và ngày càng được nâng cao .

Phòng kế hoạch kinh doanh chịu trách nhiệm giám sát tình hình nhập –xuất – tồn kho, dự trữ thành phẩm về mặt giá trị và hiện vật .

2.3.3. Đánh giá thành phẩm:

Công ty TNHH Minh Tuyết là một doanh nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng với khối lượng tương đối lớn, công tác quản lý của công ty được tiến hành về mặt giá trị.

Công tác kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp ở công ty được tiến hành theo giá thực tế .

- Giá thành thực tế thành phẩm nhập kho :

Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành căn cứ vào các khoản chi phí sản xuất bao gồm: Chi phí NVLTT, chi phí NCTT và chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng tập hợp lại và tính ra giá thành sản xuất thực tế của từng loại thành phẩm hoàn thành nhập kho. Việc tính giá thành của từng loại thành phẩm được tiến hành vào cuối tháng sau đó kế toán giá thành chuyển sang Kế toán thành phẩm.

- Giá thành thực tế thành phẩm xuất kho :

Giá thành thực tế thành phẩm xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế TP tồn đầu kỳ}}{\text{tồn đầu kỳ}} + \frac{\text{Trị giá thực tế TP nhập trong kỳ}}{\text{nhập trong kỳ}}$$

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Số lượng TP tồn đầu kỳ	+	Số lượng TP nhập trong kỳ
---------------------------	---	------------------------------

Giá thực tế thành phẩm = $\frac{\text{Số lượng TP tồn đầu kỳ}}{\text{xuất kho}} \times \frac{\text{Đơn giá thực tế bình quân}}{\text{xuất kho}}$

VD: Tính giá thực tế áo sơ mi dài tay xuất kho

· Căn cứ vào bảng kê nhập – xuất – tồn thành phẩm tồn đầu kỳ là 250 cái và số nhập trong kỳ là 570 cái .

· Căn cứ vào Bảng tổng hợp chi tiết thành phẩm phần số dư tồn đầu kỳ (là số dư cuối kỳ Bảng tổng hợp chi tiết thành phẩm tháng trước) để có giá thực tế tồn đầu kỳ là: 21.763.914đ

· Đồng thời căn cứ vào giá thực tế nhập trong kỳ do kế toán giá thành cung cấp ta có giá thực tế nhập trong kỳ: 48.086.890đ

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{21.763.914 + 48.086.890}{250 + 570} = 85.184\text{đ/cái}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá thực tế áo sơ mi dài} &= 85.184 \times 375 = 31.944.000\text{đ} \\ \text{tay xuất kho} & \end{aligned}$$

Sau khi có giá thực tế xuất kho ta ghi vào cột xuất kho trên Bảng tổng hợp chi tiết thành phẩm.

Việc xác định chính xác giá thực tế của thành phẩm nhập kho và giá thực tế của thành phẩm xuất kho là cơ sở để công ty xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh trong tháng. Ngoài ra, số liệu về giá thực tế thành phẩm xuất kho còn là căn cứ để xác định giá bán của thành phẩm là hợp lý, đảm bảo bù đắp chi phí bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh vừa có lợi nhuận mà giá bán lại phù hợp chung với giá cả chung của thị trường.

2.3.4. Kế toán chi tiết thành phẩm

2.3.4.1. Chứng từ và thủ tục nhập, xuất kho thành phẩm

Mọi nghiệp vụ biến động của thành phẩm đều được ghi chép, phản ánh vào chứng từ ban đầu phù hợp và theo nội dung đã quy định. Trên cơ sở chứng từ kế toán và sự biến động của thành phẩm để phân loại, tổng hợp và ghi vào sổ kế toán thích hợp.

Hiện nay ở công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn Giá trị gia tăng

** Đối với nghiệp vụ nhập kho thành phẩm:*

Mặc dù công ty thường giao hàng ngay cho khách khi sản xuất xong nhưng trong nhiều trường hợp thành phẩm sản xuất xong đã lâu mà không thấy khách đến lấy, khi đó công ty nhập kho số thành phẩm này và tổ chức quản lý, theo dõi trong sổ sách kế toán.

Nhân viên thống kê phân xưởng sẽ viết phiếu nhập kho nhưng chỉ ghi chỉ tiêu số lượng thành phẩm nhập kho và chuyển cho thủ kho làm thủ tục nhập kho thành phẩm.

Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại quyền gốc ở phân xưởng để làm căn cứ cho nhân viên thống kê phân xưởng lập Báo cáo và cuối tháng chuyển lên phòng kế toán.
- Liên 2: Lưu tại kho là căn cứ ghi sổ kho
- Liên 3: Bộ phận tiêu thụ gửi để theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Biểu số 1:

Đơn vị: Công ty TNHH Minh Tuyết

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08/12/2011

Họ và tên người giao hàng: Đ/c Hùng - Phân xưởng may cao cấp

Theo HĐ 4685 số ngày

Nhập tại kho: Đ/c Tùng

Số TT	Tên sản phẩm	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực nhập		
1	Áo sơ mi 8626 ngắn tay nữ		Chiếc	54	54	54.870	2.962.980

Thủ trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người giao

Thủ kho

Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng là chủ yếu mà các đơn đặt hàng thường là các đồng phục của cán bộ các ngành, ngoài quần áo còn có các phụ trang khác, trong điều kiện công ty chỉ đảm trách được may đo quần áo. Do đó để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng công ty vẫn ký hợp đồng và thuê ngoài gia công phụ trang khác như: giày, dép, mũ, áo đi mưa, túi ba lô....

Trong trường hợp này khi nhận được hàng gia công hoàn thành căn cứ vào đơn giá gia công và số lượng hàng thực nhập tại công ty viết phiếu nhập kho cho tất cả các mặt hàng gia công.

Biểu số 2:

Đơn vị: Công ty TNHH Minh Tuyết

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05/12/2011

Họ tên người giao hàng: Đ/c Tân - Lai Châu

Theo HĐ 5507 số ngày

Nhập tại kho: Đ/c Thái

Số TT	Tên sản phẩm	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực nhập		
1	Túi ba lô		Chiếc	80	80	30.000	2.400.000
2	Áo đi mưa		Chiếc	40	40	50.000	2.000.000
3	Giày da		Chiếc	90	90	85.000	7.650.000
	Cộng:						12.650.000

Thủ trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người giao

Thủ kho

Để có thể đáp ứng được mọi nhu cầu của khách hàng bên cạnh việc thuê các đơn vị khác gia công hàng hoá công ty còn tiến hành mua các loại hàng hoá và bán lại cho những khách hàng có nhu cầu. Trong trường hợp này khi nhận hàng công ty cũng viết phiếu nhập kho tương thực hiện.

** Đối với nghiệp vụ xuất kho thành phẩm*

Khi phát sinh nghiệp vụ xuất kho thành phẩm phải làm đầy đủ thủ tục chứng từ quy định chứng minh cho nghiệp vụ phát sinh, hiện công ty đang sử dụng 2 mẫu phiếu:

- Phiếu xuất kho: Được sử dụng khi xuất kho thành phẩm mang đi trưng bày theo đề nghị của cửa hàng.

Phiếu xuất kho do phòng kế toán lập và được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu tại quyền gốc

+ Liên 2: Giao cho người nhận

+ Liên 3: Thủ kho giữ sau đó chuyển qua phòng kế toán

Biểu số 3:

Đơn vị: Công ty TNHH Minh Tuyết

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10/12/2011**Số 08**

Họ tên người nhận: Đ/c Liên - VKS Lai Châu

Lý do xuất kho:.....

Xuất tại kho: Đ/c Hiền

Số TT	Tên sản phẩm hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực nhập		
1	Áo len VKS		Cái	08	08	79.998	639.984
2	Bộ Comple Roy		Bộ	04	04	680.700	2.722.800
3	Áo bay ghi dài tay		Cái	05	05	76.599	382.995

Thủ trưởng

Phụ trách cung tiêu

Người giao

Thủ kho

- Hoá đơn GTGT: công ty TNHH Minh Tuyết sử dụng hoá đơn GTGT khi bán sản phẩm. Hoá đơn do phòng kế toán viết và được viết thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu tại quyền gốc

+ Liên 2: Giao cho khách hàng

+ Liên 3: Thủ kho giữ sau đó chuyển qua phòng kế toán

Biểu số 4:

Hoá đơn (GTGT)	Mẫu số: 01.GTKT-3LL
----------------	---------------------

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Ngày 08/12/2011	Số: 019896																																																																						
Đơn vị bán hàng: Công Ty TNHH Minh Tuyết Địa chỉ: Quốc lộ 1A – Quảng Thịnh- Quảng Xương - TH Điện thoại: 0903253317 Fax: 037753172 Mã số: 2800657623																																																																							
Họ và người mua: Chị Thanh Đơn vị: Công an Hải Dương Địa chỉ: Số TK:..... Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số:.....																																																																							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 8%;">STT</th> <th style="width: 32%;">Tên hàng hoá dịch vụ</th> <th style="width: 8%;">ĐVT</th> <th style="width: 12%;">Số lượng</th> <th style="width: 12%;">Đơn giá</th> <th style="width: 12%;">Thành tiền</th> </tr> <tr> <th>A</th> <th>B</th> <th>C</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3 = 2 x 1</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Áo hè cảnh sát</td> <td>Cái</td> <td>150</td> <td>70.900</td> <td>10.635.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Áo mưa non</td> <td>Cái</td> <td>140</td> <td>65.800</td> <td>9.100.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Áo an ninh</td> <td>Cái</td> <td>120</td> <td>75.500</td> <td>9.060.000</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Comple Roy</td> <td>Bộ</td> <td>50</td> <td>700.500</td> <td>35.025.000</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Comple Casim</td> <td>Bộ</td> <td>45</td> <td>650.700</td> <td>29.281.500</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Cộng tiền hàng:</td> <td>93.101.500</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</td> <td>9.310.150</td> </tr> <tr> <td colspan="5" style="text-align: right;">Tổng cộng tiền thanh toán:</td> <td>102.411.620</td> </tr> <tr> <td colspan="6">Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm mười một ngàn, sáu trăm hai mươi đồng chẵn</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	A	B	C	1	2	3 = 2 x 1	1	Áo hè cảnh sát	Cái	150	70.900	10.635.000	2	Áo mưa non	Cái	140	65.800	9.100.000	3	Áo an ninh	Cái	120	75.500	9.060.000	4	Comple Roy	Bộ	50	700.500	35.025.000	5	Comple Casim	Bộ	45	650.700	29.281.500	Cộng tiền hàng:					93.101.500	Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					9.310.150	Tổng cộng tiền thanh toán:					102.411.620	Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm mười một ngàn, sáu trăm hai mươi đồng chẵn					
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																																		
A	B	C	1	2	3 = 2 x 1																																																																		
1	Áo hè cảnh sát	Cái	150	70.900	10.635.000																																																																		
2	Áo mưa non	Cái	140	65.800	9.100.000																																																																		
3	Áo an ninh	Cái	120	75.500	9.060.000																																																																		
4	Comple Roy	Bộ	50	700.500	35.025.000																																																																		
5	Comple Casim	Bộ	45	650.700	29.281.500																																																																		
Cộng tiền hàng:					93.101.500																																																																		
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					9.310.150																																																																		
Tổng cộng tiền thanh toán:					102.411.620																																																																		
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh hai triệu, bốn trăm mười một ngàn, sáu trăm hai mươi đồng chẵn																																																																							
Người mua hàng		Kế toán trưởng		Thủ trưởng																																																																			

2.3.4.2. Kế toán chi tiết thành phẩm:

Hiện nay, công ty hạch toán chi tiết thành phẩm về hình thức được tiến hành theo phương pháp ghi thẻ song song. Cụ thể:

+ Ở kho: Hàng ngày khi nhập xuất kho thành phẩm thủ kho ghi chép vào Sổ kho theo chỉ tiêu số lượng tình hình nhập xuất kho của từng loại thành phẩm, cuối ngày tính ra số tồn kho. Sổ kho mà công ty sử dụng là một quyển sổ được

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

mở để theo dõi cho một loại thành phẩm riêng và được sử dụng cho cả năm kế toán

Biểu số 5:**SỔ KHO**

Tên sản phẩm hàng hoá: Quần kaki

Kho: Đ/c Tiến

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
	Số phiếu			Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất					
			Tồn 1/12/2011			200	
20/11	35		Nhập PX may cao cấp	128			
27/11		029719	Xuất Hạt kiểm lâm Tân Kỳ - Nghệ An		59		
.....				...	...	...	...
2/12	56		Nhập PX may 1	98			
31/12		019896	Xuất Công ty Du lịch Hà Nội		100		
			Cộng:	670	630	240	

- Ở phòng kế toán: Căn cứ phiếu nhập xuất thành phẩm, kế toán kiểm tra phân loại chứng từ theo từng loại thành phẩm ghi chép vào sổ chi tiết thành phẩm. Sổ chi tiết thành phẩm được mở cho cả năm, chi tiết theo từng loại sản phẩm, mỗi tháng được theo dõi trên một hay một số trang của sổ

Biểu số 6:

Đơn vị: Công ty TNHH Minh Tuyết

SỔ CHI TIẾT THÀNH PHẨM

Mở sổ ngày tháng năm 2011

Tên sản phẩm: Áo bay ghi dài tay

Đơn vị tính: Chiếc

Quy cách phẩm chất:

Mã số:.....

Chứng từ		Diễn giải	T K Đ Ư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
S	N				SL	TT	S L	TT	S L	TT
		Tồn 01/12/2011							35 0	21.750. 750
16	6/12	Xuất CA Hải Dương	63 2	62.1 45			45	2.796.5 25		
30	7/12	Xuất CA Lai Châu	63 2				38	2.361.5 10		
29	8/12	Nhập PX may I	15 4		10 5	6.525.2 25				
...			...	...	...		...		...	
..			...	...						
		Cộng:			15 5	9.632.4 75	14 5	9.011.0 25	36 0	22.372. 200

Để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với số liệu kế toán tổng hợp thì kế toán chi tiết tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết vào Bảng kê nhập - xuất - tồn thành phẩm.

Biểu số 7:

BẢNG KÊ NHẬP - XUẤT - TỒN KHO THÀNH PHẨM

Tháng 12/2011

Kho: Đ/c Tiến

Số T T	Tên sản phẩm hàng hoá	ĐVT	Số liệu thống kê				Số liệu kế toán			
			TĐ K	Phát sinh		TC K	TĐ K	Phát sinh		TC K
				N	X			N	X	
1	Quần kaki	Cái	200	670	630	240	200	670	630	240
2	Áo bay ghi dài tay	Cái	350	155	145	360	350	155	145	360
3	Áo len VKS	Cái	60	116	129	47	60	116	129	47
4	Áo cảnh sát hè	Cái	160	480	400	240	160	480	400	240
5	Áo len quản lý thị trường	Cái	77	48	61	64	77	48	61	64
6	Quần Galadin len	Cái	15	2	11	6	15	2	11	6
7	Quần áo công sở	Bộ	120	180	100	200	120	180	100	200
...			...	...	...	...	..	..	..	..

Công ty còn lập Bảng tổng hợp chi tiết thành phẩm để tổng hợp phần giá trị thành phẩm từ các sổ chi tiết thành phẩm nhằm đối chiếu với số liệu TK155 trên sổ cái.

Biểu số 8:

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THÀNH PHẨM

Tháng 12/2011

Số T T	Tên thành phẩm	Số tiền			
		TĐK	NTK	XTK	TCK
1	Quần kaki	9.173.200	30.730.220	28.895.580	11.007.840
2	Áo bay ghi dài tay	26.809.650	11.872.845	11.106.855	27.575.640
3	Áo len VKS	4.799.880	9.279.768	10.319.742	3.759.906
4	Áo len quản lý thị trường	3.741.892	2.332.608	2.964.356	3.110.144
..		...	...		
	Cộng:				

2.3.5. Kế toán tổng hợp thành phẩm:

Để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn kho thành phẩm, kế toán sử dụng các TK chủ yếu sau:

TK 155 - Thành phẩm

TK 632 - Giá vốn hàng bán

Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nhập kho thành phẩm kế toán ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK liên quan

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Đối với thành phẩm do công ty tự sản xuất ra: công ty có quy trình sản xuất đơn giản, khép kín, có nhiều loại sản phẩm khác nhau nên công ty áp dụng hình thức giá thành giản đơn. Giá thành sản phẩm sản xuất ra chính là tổng chi phí thực tế phát sinh để sản xuất ra số sản phẩm đó. Để thuận tiện cho việc xác định giá vốn hàng bán công ty đã quy đổi tất cả sản phẩm sản xuất ra về một sản phẩm gọi là sản phẩm quy chuẩn: áo chiết gấu theo bảng quy đổi sau

Biểu số 9:

Công ty TNHH Minh Tuyết

QUY ĐỊNH HỆ SỐ QUY CHUẨN SẢN PHẨM

Sản phẩm quy chuẩn: Áo chiết gấu

STT	Tên sản phẩm	Hệ số quy đổi
1	Áo sơ mi dài tay	0,9
2	Quần phẳng	0,85
3	Áo chiết gấu dài tay	1
4	Áo sơ mi ngắn tay	0,8
5	Áo chiết gấu ngắn tay	0,95
6	Áo đông 1 lớp	2,1
7	Bộ len 3 lớp	3,95
8	Bộ Comple	8
9	Áo Blu	1,2
10	Một bộ đông có lót	4,85
11	Bộ đông VKS	4,8
12	Bộ ký giả	2,85
13	Áo gilê	2

Trong tháng 12/2011 công ty đã sản xuất ra được 26.699 sản phẩm quy đổi và có bảng tính giá thành

Biểu số 10:

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Số lượng:

TT	Khoản mục	SPLD đầu tháng	CPSX trong tháng	SPLD cuối tháng	Tổng giá thành
1	NVL trực tiếp	-	866.206.891	-	866.206.891
2	NC trực tiếp	-	888.525.260	-	888.525.260
3	CPSX chung	-	573.113.375	-	573.113.375
	Cộng:		2.327.845.526		2.327.845.526

Giá thành đơn vị của 1 sản phẩm = $2.327.845.526 : 26.699 = 87.188đ$

** Đối với thành phẩm công ty thuê ngoài gia công*

Khi nhập kho công ty phản ánh trị giá thành phẩm nhập kho theo bút toán sau:

Nợ TK 155

Có TK 331

Ví dụ: Căn cứ vào Phiếu nhập kho số 04 ngày 5/12/2011 về số hàng hoá gia công hoàn thành, kế toán định khoản:

Nợ TK 155: 16.320.000đ

Có TK 331: 16.320.000đ

Cuối tháng sau khi tổng hợp các phiếu nhập kho thuê ngoài gia công phản ánh vào chứng từ ghi sổ.

Trong tháng 12/2011 công ty nhập kho hàng thuê ngoài gia công trị giá là 17.621.112đ kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ như sau:

Biểu số 11:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Nhập kho hàng thuê ngoài gia công	155	331	17.621.112	
Cộng	x	x	17.621.112	

Ngày tháng năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

** Đối với hàng hoá mua ngoài:*

Căn cứ vào Phiếu nhập kho hàng mua kế toán phản ánh vào sổ nhật ký mua hàng theo định khoản:

Nợ TK 156

Có TK 331

Ví dụ: Căn cứ vào Phiếu nhập kho số 02 ngày 4/12 về số hàng hoá mua ngoài nhập kho kế toán định khoản:

Nợ TK 156: 15.770.500đ

Có TK 331: 15.770.500đ

Cuối tháng căn cứ vào sổ nhật ký mua hàng để phản ánh vào sổ cái TK 156

Biểu số 12:**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Hàng hoá****Số hiệu: TK 156**

NGS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 1/2011 <u>ĐDK</u>		30.404.000	
			Nhập kho hàng hoá	111	15.770.500	
			Xuất kho hàng hoá	632		17850000
			Cộng số phát sinh		46.174.500	17.850.000

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

			<u>DCK</u>		28.324.500	
--	--	--	------------	--	------------	--

Ngày tháng năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Trong tháng 12/2011, công ty sản xuất được 26.699 sản phẩm quy đổi trong đó xuất giao bán ngay không qua kho: 18.240 sản phẩm, nhập kho 8.459 sản phẩm còn lại:

Phản ánh số sản phẩm nhập kho:

Nợ TK 155: 737.523.292đ

Có TK 154: 737.523.292đ

Phản ánh số sản phẩm bán không qua kho:

Nợ TK 632: 1.590.309.120đ

Có TK 154: 1.590.309.120đ

Trong tháng 12/2011 xuất bán 6.021 sản phẩm quy đổi:

Nợ TK 632: 524.973.658đ

Có TK 155: 524.973.658đ

Căn cứ vào nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK 154, TK 155, TK632

Biểu số 13:**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang****Số hiệu: TK 154**

NG S	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	S	N			Nợ	Có
			Tháng 1/2011 <u>DĐK</u>		722.399.209	
4/1 2			Chi phí thuê ngoài SX	111	23.579.000	
			Kết chuyển CPNVLT	621	866.602.891	

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

			Kết chuyển CPNCTT	622	888.525.260	
			Kết chuyển CPSXC	627	573.133.375	
			Kết chuyển thành phẩm	155		737.523.292
			Kết chuyển GVHB	632		1.590.309.120
			Cộng số phát sinh:		2.351.424.526	2.327.832.412
			<u>DCK</u>		745.991.323	

Ngày tháng năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Biểu số 14:**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán****Số hiệu: TK 632**

NGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SDCK</u>			
10/12			Trị giá thực tế thành phẩm hàng hoá tiêu thụ	154 155 156	1.590.309.120 524.973.658 17.850.000	
			Kết chuyển GVHB	911		2.133.132.778
			Cộng số phát sinh:		2.133.132.778	2.133.132.778
			<u>SDCK</u>	X	0	0

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Biểu số 15:**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Thành phẩm****Số hiệu: 155**

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
2/12			<u>ĐDK</u>		154.768.667	
			Nhập kho TPSX	154	737.523.292	524.973.658
			Nhập kho TP gia công	331	17.621.112	
			Bán hàng trong tháng	632		
			Hàng bán bị trả lại	531	20.404.810	
			Cộng số phát sinh:		775.549.214	524.973.658
			<u>DCK</u>		405.344.223	

Ngày tháng năm 2011

2.4. Kế toán doanh thu bán hàng, thuế và các khoản làm giảm doanh thu.**2.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng**

Theo chế độ quy định kế toán công ty sử dụng phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT làm chứng từ gốc, làm căn cứ để hạch toán doanh thu.

Để phản ánh doanh thu bán hàng, theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng, kế toán sử dụng tài khoản 511, 131.

- Trường hợp khách hàng thanh toán ngay sau khi nhận được hàng thì hoá đơn được chuyển đến phòng kế toán, thủ quỹ tiến hành thu tiền của khách, ký tên và đóng dấu "đã thu tiền" vào tờ hoá đơn. Đây là căn cứ để kế toán ghi vào sổ nhật ký thu tiền.

- Trường hợp khách hàng mua chịu thì căn cứ vào hoá đơn GTGT, kế toán phản ánh vào sổ nhật ký bán hàng và sổ chi tiết thanh toán với người mua.

Để phản ánh quá trình tiêu thụ thành phẩm, kế toán công ty sử dụng các sổ kế toán: Nhật ký bán hàng, nhật ký thu tiền, chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản. Trình tự và phương pháp ghi chép như sau:

Căn cứ vào các hoá đơn GTGT trong tháng, kế toán phản ánh vào sổ nhật ký bán hàng và nhật ký thu tiền.

* *Sổ nhật ký bán hàng*: Được mở theo từng tháng đối với những khách hàng trả tiền chậm. Hàng ngày, khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT ghi vào nhật ký bán hàng lần lượt theo các chỉ tiêu.

Cột chứng từ, số ngày, chứng từ phải khớp với số, ngày của hoá đơn GTGT.

Cột diễn giải ghi tên khách hàng căn cứ vào dòng ghi tên, địa chỉ người mua trên hoá đơn GTGT.

Phần ghi nợ TK 131: Căn cứ vào dòng tổng cộng thanh toán trên hoá đơn GTGT. Mỗi khách hàng hay nói cách khác mỗi hoá đơn bán hàng được phản ánh trên 1 dòng của sổ nhật ký bán hàng.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Phần ghi có TK 511: Là doanh thu chưa có thuế, được ghi căn cứ vào dòng cộng tiền hàng trên hoá đơn GTGT.

Phần ghi có TK 3331: Là số thuế GTGT mà khách hàng phải trả khi mua hàng, được ghi căn cứ vào dòng thuế GTGT trên hoá đơn GTGT.

Ví dụ: Theo hoá đơn ngày 6/12 và ngày 9/12 kế toán ghi vào Sổ nhật ký bán hàng

Biểu số 16:**SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG****Tháng 12/2011**

NG S	CT		Diễn giải	Ghi nợ TK 131	Ghi có TK	
	S	N			TK 511	TK 3331
6/12	001184 6	6/12	Đ/c Bình - CA Thái Bình nhận hàng	137.966.880	125.424.4 40	12.542.44 0
9/12	001188 5	9/12	Đ/c Sơn -VKS Yên Bái nhận hàng	47.133.460	42.848.60 0	4.284.860
...						
			Cộng:	2.485.671.992		

năm 2011.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Cuối tháng căn cứ vào Sổ nhật ký bán hàng, kế toán lập Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra để làm căn cứ xác định số thuế GTGT phải nộp.

Cụ thể: Dòng cộng của cột ghi có TK 511 và TK 3331 là căn cứ để ghi vào dòng tổng cộng trên Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra.

Biểu số 17:**BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ BÁN RA****Tháng 12/2011**

CT		Tên khách hàng	Doanh số bán (chưa có thuế)	Thuế GTGT	Ghi chú
S	N				
001184 6	6/12	Đ/c Bình - CA Thái Bình	125.424.440	12.542.440	
001188 5	9/12	Đ/c Sơn -VKS Yên Bái	42.848.600	4.284.860	
.....					
		Tổng cộng:	2.485.671.992	248.5.67199	

Kế toán trưởng

Người lập biểu

* *Sổ nhật ký thu tiền*: Được mở theo từng tháng, dùng để ghi chép các nghiệp vụ thu tiền của công ty trong đó có nghiệp vụ khách hàng trả tiền ngay sau khi nhận hàng hoặc trong trường hợp khách trả chậm.

Căn cứ để ghi nhật ký thu tiền là các phiếu thu và được ghi hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan phát sinh theo từng cột .

* *Sổ chi tiết thanh toán với người mua*: Do đặc điểm của công ty là quân phục phục vụ cho các đơn vị, mặt khác sản phẩm của công ty có thể cùng một lúc đáp ứng cho nhu cầu cho một đối tượng khách hàng ở các tỉnh:

Ví dụ: Một loại hàng có thể là áo hè cảnh sát thì có thể cung cấp cho công an Hải Dương, công an Hưng Yên ... Để thuận tiện trong việc theo dõi quan hệ thanh toán với khách hàng công ty mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Sổ chi tiết TK 131).

Sổ này được mở cho cả năm, chi tiết cho từng loại khách hàng mỗi tháng được theo dõi trên một hoặc một số trang sổ.

Cách lập sổ cụ thể như sau: Căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ: Hoá đơn GTGT, phiếu thu tiền kế toán phản ánh vào Sổ chi tiết, các hoá đơn sau khi được phân loại theo từng khách hàng được ghi vào sổ chi tiết theo nguyên tắc mỗi một hoá đơn được ghi dòng theo từng cột.

- Cột chứng từ số, ngày: Căn cứ vào số, ngày của hoá đơn chứng từ để ghi vào Sổ chi tiết.

- Cột diễn giải: Được ghi cụ thể các nghiệp vụ phát sinh đối với từng khách hàng.

- Cột TK đối ứng: Ghi số hiệu các TK liên quan

- Cột số phát sinh: Nếu khi khách hàng thanh toán về sổ hàng hoá đã mua chịu thì ghi vào bên Nợ, còn bên Có phản ánh số tiền phải thu của khách hàng.

Nếu khi thanh toán khách hàng chỉ trả một phần tiền hàng còn chịu lại thì số còn phải thu phản ánh vào bên Nợ.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Nếu khách hàng trả trước tiền hàng hoặc thanh toán số tiền lớn hơn số phải trả (trong trường hợp này khách hàng sẽ được trừ vào phần tiền hàng sẽ lấy lần sau) thì phản ánh vào bên Có.

Ví dụ: Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0011846 ngày 6/12 và Phiếu thu số 15 ngày 7/12/2011 kế toán phản ánh vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua với đối tượng khách hàng công an như sau:

Biểu số 18:**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Đối tượng: Công an

N GS	CT		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh		Số dư		Ngày TToán
	S	N			Nợ	Có	Nợ	Có	
6/1 2	0011846	6/1 2	Đ/c Bình - CA Thái Bình nhận hàng	511 3331	125.424.440 12.542.444				15/2

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

8/1	0021158	7/1	Đ/c Hà - CA			15.400.00			18/3
2		2	Hung Yên trả tiền			0			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng:		125.448.900	24.359.50			
						0			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

* *chứng từ ghi sổ*: công ty sử dụng Sổ nhật ký đặc biệt và Sổ chi tiết để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày liên quan đến quá trình tiêu thụ thành phẩm, nên đến cuối tháng chỉ cần căn cứ vào dòng tổng cộng trên Sổ nhật ký bán hàng phản ánh vào Sổ cái TK 511 và căn cứ vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua phản ánh vào Sổ cái TK 131.

Tuy nhiên, kế toán công ty vẫn sử dụng chứng từ ghi sổ để phản ánh doanh thu, giá vốn....theo quan hệ tài khoản đối ứng vào cuối tháng.

Ví dụ: Trong tháng 12/2011, sau khi tổng hợp số liệu trên các hoá đơn bán hàng, cụ thể là dòng Tổng cộng tiền thanh toán trên các Hoá đơn GTGT, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng trong tháng vào chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 131: 1.223.594.242đ

Có TK 511: 1.112.358.402đ

Có TK 3331: 111.235.840đ

Vì công ty tiêu thụ thành phẩm do công ty tự sản xuất ra là chủ yếu, trị giá hàng hoá mua về bán không nhiều nên không mở các tài khoản cấp 2: Doanh thu bán thành phẩm và doanh thu bán hàng hoá mà phản ánh gộp cả hai loại doanh thu này.

Cuối tháng sau khi tập hợp chi phí phát sinh trong tháng cùng với trị giá hàng hoá mua về để bán, kế toán xác định giá vốn hàng bán và phản ánh vào chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 632: 2.133.132.778đ

Có TK 154: 1.590.309.120đ

Có TK 155: 524.973.658đ

Biểu số 19**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Tháng 12/2011**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán theo tháng	632	154,155, 156	2133132778	
Cộng	x	x	2133132778	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

* *Sổ cái*: Sổ cái được dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong cả niên độ kế toán, mỗi tài khoản được mở trên một trang liên tiếp và được theo dõi trong từng tháng. Để phản ánh công tác kế toán doanh thu bán hàng kế toán công ty mở Sổ cái TK 511, TK 131.

Căn cứ để ghi Sổ cái là chứng từ ghi sổ và Sổ nhật ký đặc biệt.

- Sổ cái TK 511 - doanh thu. Cách ghi Sổ cái TK 511:

Cột: ngày; chứng từ: ghi ngày ghi sổ và số ngày của chứng từ được dùng để làm căn cứ ghi sổ.

Cột diễn giải: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh (phù hợp với nội dung ghi trên chứng từ ghi sổ và Sổ nhật ký bán hàng)

Cột số hiệu tài khoản: Ghi số hiệu của các tài khoản đối ứng liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với TK 511.

Cột số phát sinh: Ghi số tiền phát sinh nợ hoặc có của thiết kế 511.

- Sổ cái TK 131 - Phải thu của khách hàng

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Cách ghi sổ tương tự như Sổ cái TK 511

Để dễ theo dõi các Sổ cái 511, TK 131 sẽ trình bày ở phần sau do có liên quan các khoản làm giảm doanh thu.

2.4.2 Kế toán thuế tiêu thụ và các khoản làm giảm doanh thu.

· *Kế toán thuế tiêu thụ:*

Cũng như bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào khác, đồng thời với việc tiêu thụ thì công ty cũng phải nộp thuế tiêu thụ, thuế tiêu thụ mà doanh nghiệp phải nộp là thuế GTGT.

Biểu số 20:

TỜ KHAI THUẾ GTGT

Tháng 12/2011

Tên cơ sở: Công ty TNHH Minh Tuyết

Mã số:

Địa chỉ:.....

Đơn vị tiền: đồng VN

STT	Chỉ tiêu kê khai	Doanh số (Chưa tính thuế)	Thuế GTGT
-----	------------------	------------------------------	-----------

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

1	Hàng hoá dịch vụ bán ra		
2	Hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT		
a	Hàng hoá xuất khẩu thuế suất 0%		
b	Hàng hoá dịch vụ thuế suất 5%		
c	Hàng hoá dịch vụ thuế suất 10%	2.485.671.992	248.567.199
d	Hàng hoá dịch vụ thuế suất 20%		
3	Hàng hoá dịch vụ mua vào		
4	Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào		
5	Thuế GTGT được khấu trừ		
6	Thuế GTGT phải nộp (+) hoặc được thoái (-) trong kỳ		
7	Thuế GTGT kỳ trước chuyển qua		
a	Nộp thiếu		
b	Nộp thừa hoặc chưa được khấu trừ		20.661.737
8	Thuế GTGT đã nộp trong tháng		
9	Thuế GTGT đã được hoàn trả trong tháng		
10	Thuế GTGT phải nộp tháng này		

Phản dành cho cơ quan thuế

Giám đốc

Số thuế GTGT công ty phải nộp được tính theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất là 10%.

Thuế GTGT phải nộp = Giá đầu ra x thuế suất - Giá đầu vào x thuế suất

Trên cơ sở Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra được lập vào cuối tháng và căn cứ vào số thuế GTGT phải nộp trên Tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT.

Cụ thể: sản phẩm của công ty sản xuất ra chịu thuế suất 10% nên kế toán ghi vào dòng Hàng hoá dịch vụ thuế suất 10% trên Tờ khai thuế GTGT.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Ghi vào cột doanh số và cột thuế GTGT số liệu ở dòng tổng cộng của hai cột đó trên Bảng kê.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT của hàng hoá mua vào và xác định số thuế GTGT được khấu trừ trong tháng và ghi vào dòng Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào

Dòng Thuế GTGT phải nộp hoặc được thoái thu được tính như sau:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp hoặc được thoái thu} = \text{Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ chịu thuế} - \text{Thuế GTGT được khấu trừ}$$

Khi nộp thuế kế toán phản ánh định khoản:

No. T K 3331:

Có TK 111, 112

· *Kế toán hàng bán bị trả lại:*

Thành phẩm của công ty đã được kiểm tra nghiêm ngặt về chất lượng trước khi giao cho khách nên việc xảy ra hiện tượng hàng hoá kém phẩm chất là gần như không có. Tuy nhiên, quy trình sản xuất của công ty trải qua nhiều khâu, từ khi đi đo cho khách hàng, viết phiếu đo và phiếu đo này được luân chuyển theo trình tự của quy trình sản xuất do đó có thể dẫn đến hiện tượng sai lầm hoặc làm thất lạc vì vậy thành phẩm cuối cùng có thể không chính xác so với số ban đầu. Trong trường hợp này công ty chấp nhận nhận lại hàng và thường sửa chữa sau đó giao lại cho khách hàng.

Khi nhận được hàng do khách trả lại thủ kho viết phiếu nhập kho như sau:

Biểu số 21:

Đơn vị: Công ty TNHH Minh Tuyết

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15/12/2011

Họ tên người giao hàng: Đ/c Mận - VKS Lai Châu

Theo HĐ số:..... Nhập tại kho:

Số TT	Tên sản phẩm	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Chứng từ	Thực nhập		
1	Bộ đồng VKS		Bộ	04	04	415.080	1.660.320

- Ở kho: Thủ kho sẽ tiến hành kiểm tra lại hàng hoá nhận lại theo chỉ tiêu số lượng và quy cách, đồng thời nhân viên theo dõi tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho thành phẩm ở phòng kế hoạch kinh doanh sẽ phản ánh vào Sổ kho và Sổ chi tiết thành phẩm số lượng hàng hoá nhận lại.

- Ở phòng kế toán: Căn cứ vào cột thành tiền trên phiếu nhập kho kế toán phản ánh vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua phần giảm số phải thu của khách hàng.

Trình tự kế toán hàng bán bị trả lại đối với những hàng nhập lại kho theo Phiếu nhập kho ngày 15/12 như sau:

+ Phản ánh doanh thu số hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 531: 3.042.400đ

Có TK 131: 3.042.400đ

+ Phản ánh số tiền trả lại cho người mua về thuế GTGT của số hàng trả lại. Trong trường hợp này vì khách hàng chưa thanh toán tiền hàng nên kế toán công ty đã ghi giảm số phải thu:

Nợ TK 3331: 304.240đ

Có TK 131: 304.240

+ Phản ánh giá vốn của số hàng nhập trả lại kho:

Nợ TK 154: 2.456.490đ

Có TK 632: 2.456.490đ

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Cuối tháng tổng hợp số liệu cột thành tiền trên các Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại kế toán phản ánh vào chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 531: 20.404.810đ

Có TK 131: 20.404.810đ

Kết chuyển hàng bán bị trả lại ghi giảm doanh thu:

Nợ TK 511: 20.404.810đ

Có TK 531: 20.404.810đ

Căn cứ vào chứng từ ghi sổ cái ghi vào Sổ cái các tài khoản liên quan:

Biểu số 22:**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Hàng bán bị trả lại

Số hiệu: TK 531

NGS	CT		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>			
4/12		2/12	Hàng bán bị trả lại	131	20.404.810	
			Kết chuyển hàng bán bị trả lại	511		20.404.810
			Cộng số phát sinh:		20.404.810	20.404.810
			<u>SDCK</u>		0	0

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 23:

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Thuế GTGT phải nộp****Số hiệu: TK 3331**

NGS	CT		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	S	N			Nợ	Có
			<u>ĐDK</u>			151.748.540
4/12	03	4/12	Thuế GTGT phải thu của khách hàng	131		248.567.199
41/2	03	4/12	Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại	131	2.040.481	
4/12	03	4/12	Thuế GTGT được khấu trừ	133	20.661.737	
			Cộng số phát sinh:		22.702.218	248.567.199
			<u>DCK</u>			377.613.521

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

· Kế toán giảm giá hàng bán

Trong quá trình tiêu thụ có thể phát sinh các khoản giảm giá hàng hoá. Do sản phẩm của công ty luôn đạt tiêu chuẩn chất lượng nhưng đôi khi vì những lý do nhỏ sản phẩm công ty sản xuất ra có thể không đúng yêu cầu của khách hàng, trong trường hợp này công ty chấp nhận giảm giá. Đối với một số hợp đồng công ty có thể không đảm bảo thời gian giao hàng do những nguyên nhân về lao động, máy móc, nguyên vật liệu để giữ chữ tín và quan hệ lâu dài công ty cũng chấp nhận giảm giá. Việc giảm giá của công ty và người mua thoả thuận sau khi hoá đơn bán hàng đã viết, số giảm này không được ghi trừ trên hoá đơn.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Kế toán khi thanh toán khoản giảm giá cho khách hàng, ghi vào Sổ quỹ và chứng từ ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 532: 15.500.000đ

Có TK 111: 15.500.000đ

Cuối tháng kết chuyển sang TK 511:

Nợ TK 511: 15.500.000đ

Có TK 532: 15.500.000đ

Biểu số 24a:**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Tháng 12/2011**

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		
Hàng bán bị trả lại	531	131	20.404.810	
Cộng	x	x	20.404.810	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Giám đốc

Biểu số 24b

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt về khoản giảm giá cho khách	532	111	15.500.000	
Cộng	x	x	15.500.000	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Giám đốc

Biểu số 24c

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		
Kết chuyển hàng bán bị trả lại	511	531	20.404.810	
Kết chuyển giảm giá hàng bán	511	532	15.500.000	
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	2.449.767.182	
Cộng	x	x	2.485.671.992	

Ngày tháng năm 2011.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Giám đốc

Căn cứ chứng từ ghi sổ để ghi Sổ cái:

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giảm giá hàng bán

Số hiệu: TK 532

NGS	CT		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>			
			Trả TM khoản giảm giá	111	15.500.000	
			Kết chuyển giảm giá hàng bán	511		15.500.000
			Cộng số phát sinh:		15.500.000	15.500.000
			<u>SDCK</u>			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 26:

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

Số hiệu: TK 511

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>			
			Doanh thu bán hàng	531		2.485.671.992
			Kết chuyển hàng bán bị trả lại	531	20.404.810	
			Kết chuyển giảm giá hàng bán	532	15.500.000	
			Kết chuyển doanh thu thuần	911	2.449.767.182	
			Cộng SPS:		2.485.671.992	2.485.671.992
			<u>SDCK</u>		0	0

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng****Số hiệu: TK 131**

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>ĐDK</u>			2.054.678.709
2/12	01	2/12				2.485.671.992
			Thu TGNH của khách	112		528.604.814
4/12	02	4/12	TGNH trả khách	112	50.000.000	
4/12	02	4/12	Khách hàng nộp TM	111		511.794.500
5/12	02	5/12	Khách hàng nhận lại TM	111	40.597.500	
6/12	02	6/12	Khách hàng trả lại hàng	531		20.404.840
7/12	02	7/12	Bán hàng trong tháng	511	1.223.594.242	
			Bút toán điều chỉnh thu tiền mặt	111		
			Bút toán điều chỉnh chi tiền mặt	111		
			Cộng SPS:		1.314.191.742	1.060.804.124
			<u>DCK</u>			1.801.291.091

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

· Chiết khấu bán hàng

Công ty không có chiết khấu bán hàng, nhưng để khuyến khích khách hàng mua hàng với khối lượng lớn thì công ty có chế độ trích thưởng hợp đồng kinh tế.

Khoản thưởng này được tính vào chi phí bán hàng.

Cụ thể:

- Hợp đồng kinh tế có giá trị dưới 100 triệu thưởng không quá 5% giá trị hợp đồng
- Hợp đồng kinh tế có giá trị dưới 200 triệu đồng thưởng không quá 4% giá trị hợp đồng kinh tế.
- Hợp đồng kinh tế có giá trị từ 300 - 700 triệu thưởng không quá 2% giá trị hợp đồng
- Hợp đồng kinh tế có giá trị trên 700 triệu đồng thưởng không quá 1% giá trị hợp đồng.

2.5 Kế toán chi phí QLKD

2.5.1 Kế toán chi phí bán hàng :

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá phải bỏ ra các khoản chi phí cho khâu lưu thông bán hàng như vận chuyển , bao gói , giao dịch.

Chi phí bán hàng là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hoá dịch vụ. Chi phí bao gồm các khoản cụ thể khác nhau. Theo quy định hiện hành, chi phí bán hàng được chia thành các loại:

- Chi phí nhân viên .
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ đồ dùng .
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí bán hàng thực tế phát sinh cần được phân loại tổng hợp đúng các nội dung đã quy định. Cuối kỳ hạch toán, chi phí bán hàng phải được kết chuyển

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

để xác định kết quả kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, trong kỳ có hay có ít sản phẩm sản xuất, hàng hóa tiêu thụ thì cuối kỳ hạch toán chuyển toàn bộ hoặc một phần chi phí bán hàng sang theo dõi ở loại “ chi phí chờ kết chuyển” .

Kế toán chi phí bán hàng sử dụng TK641. Căn cứ vào khoản chi phí phát sinh có liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí bán hàng được chia thành 7 tài khoản cấp II :

- TK6411: Chi phí nhân viên
- TK6412: Chi phí vật liệu bao bì
- TK6413: Chi phí công cụ đồ dùng.
- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6415: Chi phí bảo hành giới thiệu sản phẩm.
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác.

Khi có các chi phí phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán căn cứ vào nội dung các khoản chi phí đó để ghi sổ kế toán phù hợp:

Tại công ty TNHH Minh Tuyết, chi phí bán hàng là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh từ khi hoàn thành thành phẩm đến khi giao cho khách hàng.

Xuất phát từ đặc điểm tiêu thụ thành phẩm, chi phí bán hàng của công ty bao gồm các khoản sau:

- Chi phí bốc xếp thành phẩm
- Chi phí vận chuyển thành phẩm
- Chi phí gửi hàng cho khách (nếu không giao trực tiếp)
- Chi phí giao nhận hàng
- Chi phí thưởng hợp đồng kinh tế
- Chi phí NVL, CCDC phục vụ tiêu thụ

Chi phí bán hàng ở công ty được phản ánh và theo dõi trên TK 641 - Chi phí bán hàng.

Khi phát sinh các khoản chi phí kế toán phản ánh vào Sổ chi tiết TK 641 như sau:

Biểu số 28:

SỔ CHI TIẾT

TK 641

CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
S	N			Nợ	Có	Nợ	Có
01	5/11	Trả tiền thuê bốc dỡ giao cho khách	111	3.100.000			
02	6/11	Trả tiền thưởng hợp đồng cho công an HD		8.500.000			
..	..	..	..	..	..	..	..
04	2/12	Phân bổ NVL xuất dùng	152	815.000			
07	2/12	Phân bổ CCDC	153	5.910.000			
		Kết chuyển chi phí bán hàng	911		49.185.700		
		Cộng:		49.185.700	49.185.700		

Chi phí bán hàng cuối tháng được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Để thuận tiện cho việc nghiên cứu, sau đây là nội dung và cách hạch toán cụ thể với từng loại chi phí phát sinh trong tháng 12/2011.

- Chi phí vận chuyển bốc dỡ hàng hoá:

Nợ TK 641: 15.815.000đ

Có TK 111: 15.815.000đ

- Chi phí trích thưởng hợp đồng kinh tế:

Nợ TK 641: 16.103.700

Có TK 11: 2.103.700đ

Có TK 112: 4.500.000đ

Có TK 161: 9.500.000đ

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Chi phí nguyên vật liệu xuất dùng đóng gói sản phẩm: túi nilon, dây buộc, băng dính, thùng carton:

Nợ TK 641: 815.000đ

Có TK 152: 815.000đ

- Chi phí công cụ dụng cụ bán hàng:

Nợ TK 641: 5.910.000đ

Có TK 153: 5.910.000đ

- Chi phí gửi hàng đi cho khách cũng được tính vào chi phí bán hàng:

Nợ TK 641: 10.542.000đ

Có TK 111: 10.542.000đ

Có một số khoản chi phí phát sinh phục vụ cho công tác bán hàng nhưng công ty không hạch toán vào chi phí bán hàng như:

+ Chi phí tiền lương, BHXH và các khoản phải trả khác cho nhân viên bán hàng ở cửa hàng. Các khoản chi phí này khi phát sinh được công ty hạch toán vào chi phí tiền lương và các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng ở cửa hàng tháng 12/2011. Kế toán định khoản.

Nợ TK 627: 3.845.000đ

Có TK 334: 3.231.092đ

Có TK 338: 613.908đ

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: TSCĐ dùng phục vụ khâu tiêu thụ của công ty gồm: nhà kho, cửa hàng. Chi phí khấu hao được hạch toán toàn bộ vào chi phí quản lý doanh nghiệp cùng với chi phí khấu hao tài sản khác.

Nợ TK 642: 28.842.959đ

Có TK 214: 28.842.959đ

Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh theo định khoản:

Nợ TK 911: 49.185.700đ

Có TK 641: 49.185.700đ

Cuối tháng phản ánh vào Sổ cái TK 641 như sau:

Biểu số 29:

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: TK 641

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SDDK</u>			
5/2	03	2/2	CPBH bằng TM	111	42.460.700	
	04	2/2	Phân bổ NVL cho bán hàng	152	815.000	
	05	2/3	Phân bổ CCDC cho bán hàng	153	5.910.000	
10/3			Kết chuyển CPBH	911		49.185.700
			Công số phát sinh		49.185.700	49.185.700
			<u>SDCK</u>		0	0
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	

2.5.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều khoản cụ thể theo quy định hiện hành được phân thành các loại sau:

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Thuế phí và lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền.

Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp TK642. Căn cứ vào nội dung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý doanh nghiệp được chia làm 8 tài khoản cấp II

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK6425: Thuế, phí , lệ phí.
- TK6426: Chi phí dự phòng.
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác.

Ở công ty TNHH Minh Tuyết chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí như sau:

- Tiền lương, bảo hiểm phải trả cho nhân viên văn phòng và nhân viên ở cửa hàng.
 - Chi phí NVL, CCDC, đồ dùng văn phòng
 - Chi phí khấu hao TSCĐ
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài: tiền điện, tiền nước
 - Chi phí bằng tiền khác: Chi phí tiếp khách, chi phí đi đo hàng cho khách
- Các khoản chi phí trên được phản ánh vào Sổ chi tiết TK 642 như sau:

Biểu số 30:

SỔ CHI TIẾT

TK 642

CT		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh		Số dư	
S	N			Nợ	Có	Nợ	Có
01	4/11	Đ/c Thủy - PKH nhận tiền mặt nộp tiền nước	111	800.000			
11	5/11	Dùng TM chi tiếp khách	111	300.000			
...	...						
02	2/12	Phân bổ NVL xuất dùng	152	2.482.600			
03	4/12	Phân bổ KHTSCĐ	214	35.455.194			
09	5/12	Trích lập quỹ quản lý công ty	336	5.341.447			
12	5/12	Tiền điện mua ngoài cho sản xuất kinh doanh	331	1.544.900			
13	10/1 2	Tiền lương phải trả CNV	334	54.095.334			
14	10/1 2	Các khoản trích theo lương	338	10.278.113			
		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		140.704.840		
		Cộng:		140.704.840	140.704.840		

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trong tháng 12/2011, công ty phát sinh các khoản chi phí và được kế toán phản ánh như sau:

- Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền:

Nợ TK 642: 30.966.552đ

Có TK 111: 30.966.552đ

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Nguyên vật liệu xuất dùng cho quản lý:

Nợ TK 642: 2.482.600đ

Có TK 152: 2.482.600đ

- Trích khấu hao TSCĐ cho quản lý:

Nợ TK 642: 35.455.194đ

Có TK 214: 35.455.194đ

Ghi đơn: Có TK 009: 35.455.194đ

- Trích lập quỹ quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 642: 5.341.447đ

Có TK 336: 5.341.447đ

- Tiền điện mua ngoài dùng cho quản lý:

Nợ TK 642: 1.544.900đ

Có TK 331: 1.544.900đ

- Tiền lương trả cho nhân viên quản lý:

Nợ TK 642: 54.095.334đ

Có TK 334: 54.095.334đ

- Các khoản bảo hiểm theo lương:

Nợ TK 642: 10.278.113đ

Có TK 338: 10.278.113đ

- Phân bổ công cụ dụng cụ cho quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 642: 540.700đ

Có TK 153: 540.700đ

Cuối tháng kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 140.704.840đ

Có TK 642: 140.704.840

Biểu số 31:

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: TK 642

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>			
5/11	03	2/11	Chi phí QLDN bằng tiền mặt	111	30.966.552	
	04	2/11	Xuất dùng NVL cho QLDN	152	2.482.600	
	04	2/11	Phân bổ CCDC cho QLDN	153	540.700	
	06	4/11	Trích KHTSCĐ cho QLDN	214	35.455.194	
	10	5/11	Trích lập quỹ QLDN	336	5.341.447	
6/12	11	6/12	Điện mua ngoài QLDN	331	1.544.900	
	12	6/12	Tiền lương phải trả cho nhân viên QLDN	334	54.095.334	
10/12	13	10/12	Các khoản BH theo lương	338	10.278.113	
			Kết chuyển CPQLDN	911		140.704.840
			Cộng số phát sinh		140.704.840	140.704.840
			<u>SĐCK</u>		0	0

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.6 Kế toán XKQ bán hàng

Bất cứ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều quan tâm đến kết quả của hoạt động đó, bởi vậy quá trình tiêu thụ gắn liền với quá trình xác định kết quả hoạt động kinh doanh do đó kế toán còn sử dụng TK911- xác định kết quả kinh doanh dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán .

Kết cấu TK911

TK911 không có số dư cuối kỳ.

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá lao vụ dịch vụ đã tiêu thụ.
- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.
- Kết chuyển lãi trong kỳ.

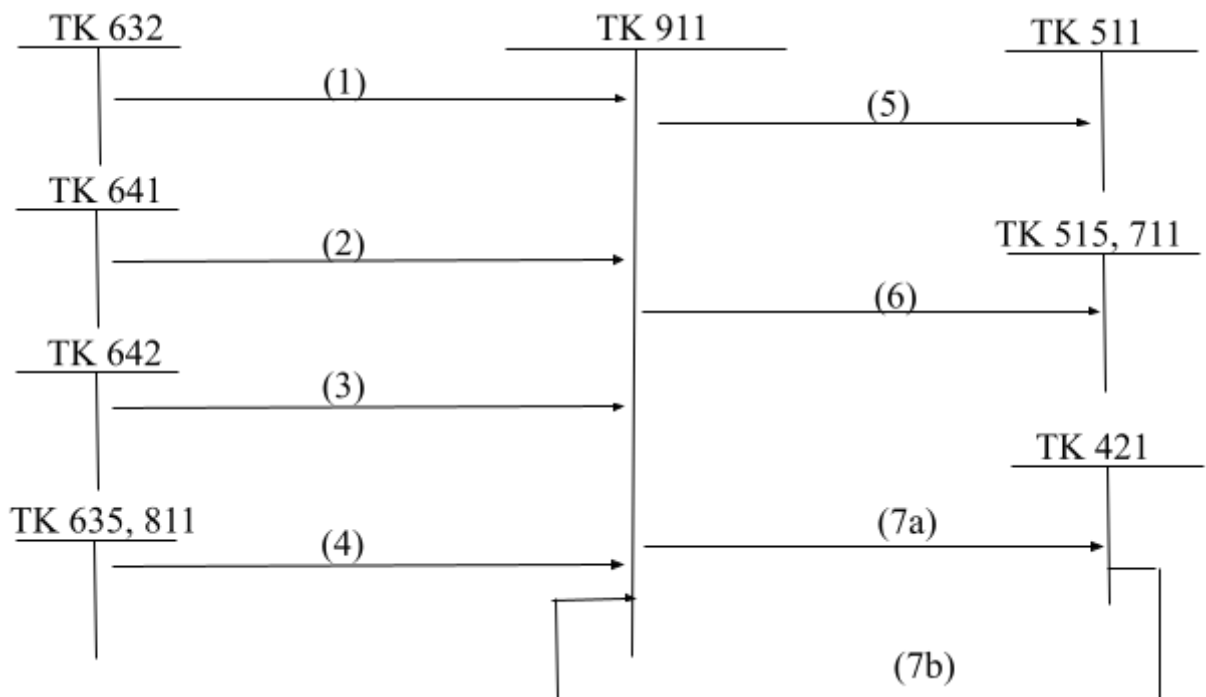
Bên có :

- Doanh thu thuần của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ.
- Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính và hoạt động khác.
- Giá vốn hàng bán bị trả lại (nếu trước đây đã kết chuyển vào TK911)
- Thực lỗ về hoạt động kinh doanh trong kỳ .

Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

- (1):Kết chuyển giá vốn hàng bán
- (2):Kết chuyển chi phí bán hàng cho số sản phẩm tiêu thụ
- (3):Kết chuyển chi phí QLDN
- (5):Kết chuyển doanh thu thuần
- (6):Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính ,thu nhập khác
- (7a):Kết chuyển lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh

Sơ đồ :



Cuối tháng sau khi hạch toán doanh thu, chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản liên quan đến tiêu thụ kế toán tiến hành xác định kết quả bán hàng.

Để phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán sử dụng TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Việc xác định chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là cơ sở để công ty có quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xác định kết quả sản xuất kinh doanh thể hiện trên chứng từ ghi sổ, chứng từ ghi sổ được ghi chép căn cứ vào Sổ chi tiết phải thu của khách hàng, Sổ chi tiết TK 641, Sổ chi tiết TK 642....

Biểu số 32a:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	2.449.767.182	
Kết chuyển thu nhập HĐTC	515	911	35.095.570	
Cộng	x	x	2.484.862.752	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Giám đốc

Biểu số 32b:

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/2011

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	GC
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.133.132.778	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	49.185.700	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	140.704.840	
Kết chuyển chi phí HĐTC	911	635	3.450.850	
Kết chuyển lãi kinh doanh	911	421	158.715.584	

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Cộng	X	x	2485189752	
------	---	---	------------	--

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Giám đốc

Biểu số 33:**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu: TK 911**

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SDDK</u>			
10/12			K/c doanh thu thuần	511		2.449.767.182
			K/c GVHB	632	2.133.132.778	
			K/c CPBH	641	49.158.700	
			K/c CTQLDN	642	140.704.840	
			K/c thu nhập HĐTC	515		35.095.570
			K/c chi phí HĐTC	635	3.450.850	
			K/c lãi kinh doanh	421	158.415.584	
			Cộng số phát sinh		2.484.862.752	2.484.862.752
			<u>SDCK</u>		0	0

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.7 Nhận xét đánh giá về tổ chức kế toán bán hàng và XĐKQKD của công ty TNHH Minh Tuyết

Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán ở công ty.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Công tác kế toán ở công ty nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu, về cơ bản đã đi vào nề nếp, đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ kế toán của Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của công ty hiện nay. Đồng thời đáp ứng được tài sản, vật tư tiền vốn của công ty, xác định đúng được doanh thu bán hàng, từ đó xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

Với đội ngũ kế toán đầy năng lực, nhiệt tình có trách nhiệm đã đảm bảo cho quá trình hạch toán được chính xác và hợp lý. Tuy nhiên công tác kế toán của công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được xem xét, khắc phục.

Hiện nay, công ty vẫn còn kế toán thủ công. Để đáp ứng được sự thay đổi của nền kinh tế, các nghiệp vụ kinh tế ngày càng nhiều và phức tạp theo tôi công ty nên cơ giới hoá về công tác kế toán, trang bị kiến thức thêm về tiếng Anh và vi tính cho nhân viên kế toán. Từ đó góp phần đẩy nhanh tiến độ quyết toán cuối tháng để cung cấp kịp thời thông tin kế toán hơn.

2.7.1 Những ưu điểm

Hệ thống sổ sách được áp dụng tương đối đầy đủ khoa học, tạo điều kiện ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình tiêu thụ đảm bảo xác định chính xác doanh thu bán hàng trong tháng và phù hợp với đặc điểm của thành phẩm cũng như đặc điểm tiêu thụ và khách hàng của công ty. Từ đó, làm căn cứ xác định đúng kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, phản ánh các khoản phải nộp Nhà nước và tình hình thanh toán với khách hàng kế toán tiêu thụ còn chú trọng tới việc quản lý và lưu giữ chứng từ gốc, là cơ sở pháp lý cho việc ghi chép sổ sách kế toán.

Quan hệ thanh toán của công ty rất đa dạng vì khách hàng của công ty thường là các đơn vị ở tỉnh xa do đó có thể thanh toán ngay khi giao hàng, thanh toán qua đường bưu điện hoặc sau một thời gian hay thanh toán vào lần sau lấy hàng do đó vấn đề đặt ra là phải theo dõi được tình hình tiêu thụ và thanh toán với từng khách hàng. Công ty đã sử dụng Sổ chi tiết thanh toán với người mua để theo dõi chặt chẽ tình hình thanh toán với từng khách hàng.

2.7.2 Một số hạn chế

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Khi xuất kho tiêu thụ thành phẩm, cuối tháng mới xác định giá vốn hàng bán và giá vốn đó do công ty ấn định, như vậy không hợp lý, không phản ánh chính xác kết quả kinh doanh.

Kế toán không xác định giá vốn hàng tự sản xuất và giá vốn của hàng hoá mua ngoài riêng.

Việc tập hợp chi phí bán hàng chưa chính xác, một số khoản chi phí phát sinh phục vụ khâu tiêu thụ nhưng lại được hạch toán sang khoản chi phí khác: chi phí khấu hao nhà kho, cửa hàng, lương và các khoản trả cho nhân viên bán hàng ở cửa hàng sang chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí sản xuất chung. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng cần được tập hợp riêng và phân bổ cho từng đơn đặt hàng tạo điều kiện xác định kết quả kinh doanh đối với từng đơn đặt hàng, phục vụ tốt công tác quản lý và lập kế hoạch sản xuất sản phẩm.

Việc hạch toán thưởng hợp đồng kinh tế với những hợp đồng có giá trị lớn tính vào chi phí bán hàng là không hợp lý vì thực chất đây là khoản chiết khấu hao bán hàng.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN CẦN HOÀN THIÊN KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XĐKQ BÁN HÀNG CỦA CÔNG TY TNHH MINH TUYẾT

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong những năm vừa qua vừa tổ chức sản xuất vừa xây dựng và phát triển công ty đã liên tục phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn thử thách khắc nghiệt của cơ chế thị trường, công ty đã từng bước khẳng định mình để tồn tại và phát triển với tốc độ tăng trưởng khá nhanh và có những bước đi vững chắc.

Đối với tất cả các doanh nghiệp sản xuất, tiêu thụ là một khâu có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nhận thức được điều đó, công ty TNHH Minh Tuyết đã luôn tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ đồng thời trong vấn đề quản trị doanh nghiệp bộ phận kế toán rất coi trọng công tác kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm.

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức phù hợp với công việc và phù hợp với trình độ chuyên môn của mỗi người.

Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm đã được thực hiện tương đối chặt chẽ, đã ghi chép khá đầy đủ và kịp thời các khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ đồng thời phản ánh thu nhập cũng như tình hình thanh toán với khách hàng; đồng thời cung cấp đầy đủ chính xác, kịp thời phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban lãnh đạo công ty.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Qua thời gian thực tập tại công ty, tôi nhận thấy bộ máy kế toán về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán. Tuy nhiên, cùng với những thành quả đạt được thì thực tế vẫn còn những hạn chế, nếu công ty nghiên cứu để hoàn thiện thêm thì công tác kế toán sẽ cung cấp thông tin tốt hơn cho công tác quản lý nói chung của công ty. Với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán ở công ty, tôi mạnh dạn đưa ra một số nhận xét của bản thân về tổ chức công tác kế toán bán hàng và XKQK bán hàng.

3.2 Những điểm cần hoàn thiện

Thứ nhất: *Hệ thống danh điểm hàng tồn kho*

Tuy thủ kho sử dụng thẻ kho để theo dõi hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho hàng hóa nhưng công ty vẫn chưa xây dựng được hệ thống danh điểm hàng tồn kho thống nhất toàn công ty. Hàng hóa của công ty đa dạng, phong phú về chủng loại, quy cách nguồn gốc... mà thủ kho chỉ mới phân chia được các loại hàng hóa thành từng nhóm

Khi đối chiếu từng loại hàng trong một nhóm thủ kho phải đối chiếu từng tn hàng quy cách rất mất thời gian. Vậy nếu xây dựng được hệ thống hàng tồn kho thống nhất từng công ty sẽ giảm được công việc cho thủ kho, kế toán, công việc quản lý hàng tồn kho sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

Thứ hai: *lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ*

Trong trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Từ những chứng từ gốc, sổ chi tiết, báo cáo chi tiết, cuối tháng kế toán lập phiếu ghi sổ kiêm luân chuyển chứng từ gốc, rồi chuyển cho kế toán tổng hợp ghi sổ cái tài khoản. Mặc dù công ty không xảy ra hiện tượng bỏ sót hay bỏ qua chứng từ ghi sổ thì không sử dụng sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Nhưng theo tôi nên lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để có thể quản lý chặt chẽ hơn các phiếu ghi sổ kiêm luân chuyển chứng từ gốc, làm cơ sở đối chiếu, kiểm tra số liệu với bảng cân đối sổ phát sinh.

Thứ ba: *Sổ kế toán chưa cụ thể*

Sổ chi tiết TK 511 doanh thu bán hàng còn đơn giản chỉ thể hiện ở mặt tổng số của từng lần tiêu thụ mà khoong thể hiện được đơn giá , số lượng của từng lần tiêu thụ

Công ty hiện nay vẫn thực hiện kế toán thủ công chưa áp dụng kế toán máy mà chỉ có chương trình kiểm kê hàng hóa được đưa vào máy nối mạng để cơ quan cấp trên kiểm tra nhập – xuất – tồn hàng hóa của công ty.

3.3 Các giải pháp hoàn thiện

Với tư cách là một sinh viên trình độ nhận thức và hiểu biết về thực tế có hạn, trong thời gian thực tập ngắn ngủi tại công ty qua tìm hiểu về kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh tôi xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh ở công ty.

3.3.1. Ý kiến 1:

Hiện nay, công ty đang sử dụng kế toán thủ công. Để đẩy nhanh tiến độ quyết toán cuối tháng theo tôi công ty nên áp dụng kế toán máy và nâng cao trình độ về tiếng Anh và vi tính cho nhân viên kế toán hơn nữa.

Ngoài ra, việc phân công trách nhiệm với các kế toán viên rất rõ ràng, cụ thể và hợp lý song để nâng cao trình độ nghiệp vụ của các cán bộ kế toán thì có thể sau mỗi năm các kế toán viên nên trao đổi phần hành cho nhau, qua đó mỗi người sẽ có một tầm nhìn khái quát hơn về kế toán, hiểu sâu sắc từng phần hành công việc trong trường hợp cần thiết. Đồng thời, tạo điều kiện cho sự phối hợp nhịp nhàng trong công việc, tránh sự trùng lặp giữa các phần hành kế toán.

3.3.2. Ý kiến 2:

Về phương thức tiêu thụ:

Qua tìm hiểu và nghiên cứu về tình hình tiêu thụ của công ty tôi nhận thấy thị trường của công ty là tương đối lớn, từ Bắc vào Nam. Khi khách hàng có nhu cầu đặt hàng, công ty phải cử người đến tận nơi để lấy số đo và ký hợp đồng do đó rất mất thời gian và tốn kém chi phí. Theo tôi công ty nên mở rộng mạng lưới

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

đại lý để việc giao dịch với khách hàng thuận lợi. Cụ thể việc mở đại lý có tác dụng:

- Nghiên cứu, thu thập những thông tin cần thiết giúp Ban lãnh đạo công ty lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Kích thích tiêu thụ và tuyên truyền những thông tin về sản phẩm của doanh nghiệp
- Duy trì mối liên hệ với những khách hàng truyền thống và thiết lập thêm với những khách hàng tiềm ẩn trên thị trường.
- Tiến hành thương lượng thoả thuận điều khoản hợp đồng.

Nhờ có các đại lý mà khách hàng có nhu cầu không phải mất nhiều thời gian và chi phí mà cũng có thể mua sản phẩm của công ty. Đồng thời, khách hàng sẽ cảm thấy thuận tiện, tin tưởng hơn vì họ cho rằng mua sản phẩm tại cửa hàng đại lý của công ty là đảm bảo về chất lượng, giá cả.

Ngoài ra với uy tín sẵn có của mình trên thị trường, công ty có thể gửi hàng của mình cho các công ty thương mại, cửa hàng bách hoá để bán trực tiếp cho các cá nhân có nhu cầu.

Trong trường hợp mở đại lý, hệ thống kế toán của công ty có những thay đổi sau:

Kế toán phải sử dụng TK 157 - hàng gửi bán

- Khi xuất kho thành phẩm gửi đại lý, kế toán phản ánh trị giá thực tế thành phẩm xuất gửi theo định khoản:

Nợ TK 157

Có TK 155

- Hoặc giao thẳng cho đại lý ngay khi vừa sản xuất xong:

Nợ TK 157

Có TK 154

- Khi xác định tiêu thụ

Nợ TK 632

Có TK 511

Nợ TK 111, 112

- Khi trả tiền hoa hồng:

Nợ TK 641

Có TK 111, 112

3.3.3. Ý kiến 3:

Về kế toán tiêu thụ:

Công ty nên mở Sổ chi tiết để theo dõi tình hình tiêu thụ từng loại hàng hoá và thành phẩm cụ thể:

Hiện nay, khi phản ánh giá vốn hàng bán, công ty tính chung cho cả thành phẩm và hàng hoá như vậy là chưa hợp lý do đó việc mở Sổ chi tiết tiêu thụ khắc phục được nhược điểm trên.

Biểu số 34:**SỔ CHI TIẾT TIÊU THỤ****Tháng 12/2011**

CT		Diễn giải	Số lượng	Doanh thu	Giá vốn	Thuế
S	N					
		Thành phẩm				
12	12/12	Quần kaki	630	32.220.000	28.895.580	322.220
15	13/12	Áo len VKS	129	11.589.400	10.319.742	115.894
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng TP:		2.458.718.492	2.115.282.698	245.871.849
		Hàng hoá				
20	15/12	Áo mưa	40	2.100.000	2.000.000	216.000
21	16/12	Giày da	60	8.763.500	7.860.000	876.350
...	...	...	...	...	...	...
		Cộng HH:		26.954.000	17.850.000	2.695.400

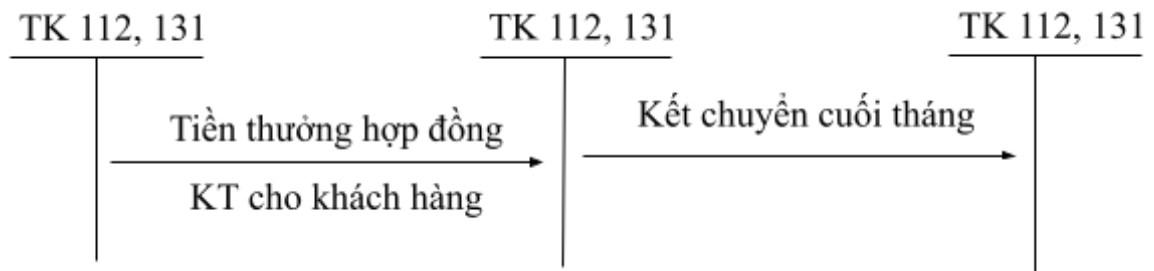
Sổ chi tiết tiêu thụ được lập căn cứ vào các hoá đơn chứng từ (hoá đơn GTGT). Cột doanh thu được xác định căn cứ vào giá bán chưa có thuế của từng loại thành phẩm, hàng hoá.

3.3.4. Ý kiến 4:

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Về chiết khấu bán hàng

Chiết khấu bán hàng được coi như một khoản chi phí và làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Thực tế cho thấy công ty hạch toán khoản chi phí này vào chi phí bán hàng là không hợp lý. Theo hệ thống kế toán hiện hành, TK 521 - Chiết khấu bán hàng phản ánh khoản chi phí này nên theo tôi công ty sử dụng TK 521 và hạch toán như sau:



VD: Trong tháng 12/2011, công ty trả tiền thưởng HĐKT cho Công an Hải Dương số tiền là 4.500.000đ kế toán định khoản sau:

Nợ TK 521: 4.500.000đ

Có TK 111: 4.500.000đ

Cuối tháng, cùng với số tiền thưởng cho các HĐKT khác kết chuyển sang TK 511:

Nợ TK 511: 15.890.000đ

Có TK 521: 15.890.000đ

Cùng với việc sử dụng TK 521 kế toán mở Sổ cái TK 521 và phản ánh số chiết khấu cho kế toán vào cuối tháng.

Biểu số 35:

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chiết khấu bán hàng

NGS	CT		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	S	N			Nợ	Có
			<u>SDDK</u>			
			Chiết khấu bán hàng	111	16.103.700	

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

			Kết chuyển cuối tháng	521		16.103.700
			Cộng số phát sinh:		16.103.700	16.103.700
			<u>SDCK</u>	X	0	0

3.3.5. Ý kiến 5:***Về tập hợp chi phí bán hàng***

Chi phí tiền lương, BHXH và các khoản phải trả khác cho công nhân viên bán hàng ở cửa hàng, công ty hạch toán vào chi phí sản xuất sản phẩm như vậy là chưa hợp lý. Theo tôi, công ty nên đưa khoản chi phí này vào chi phí bán hàng, định khoản sau:

Nợ TK 641

Có TK 334

Chi phí khấu hao TSCĐ: gồm nhà kho và cửa hàng công ty. Chi phí này cần được tập hợp vào chi phí bán hàng định khoản sau:

Nợ TK 641

Có TK 214

Căn cứ vào bảng phân bổ khấu hao TSCĐ phân tính cho chi phí bán hàng.

Việc tập hợp chi phí này vào chi phí bán hàng nhằm đảm bảo phù hợp với việc phân loại chi phí theo mục đích, công dụng tức là chi phí phát sinh trong lĩnh vực hoạt động nào theo mục đích gì thì thích hợp cho lĩnh vực hoạt động đó. Khoản chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho việc quản lý và tiêu thụ sản phẩm không phục vụ cho mục đích quản lý chung toàn doanh nghiệp thì nên tập hợp vào chi phí bán hàng, đồng thời để đảm bảo nguyên tắc phù hợp của kế toán tức là tất cả các chi phí được xác định để tính lỗ lãi phải phù hợp doanh thu.

3.3.6. Ý kiến 6:

Về phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp xác định kết quả sản xuất

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

Vì sản phẩm của công ty là sản phẩm đơn chiếc, chủng loại đa dạng và phần lớn có giá trị thấp nên việc phân bổ chi phí và xác định kết quả sản xuất đối với từng loại sản phẩm là khó có thể thực hiện được. Do đó, kế toán có thể xác định kết quả sản xuất đối với từng đơn đặt hàng thông qua việc tiến hành phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng đơn đặt hàng.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế với công an Phú Thọ và Sổ nhật ký bán hàng, Sổ chi tiết tiêu thụ xác định được:

- Doanh thu: 71.350.620

- Giá vốn: 65.328.680

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên Sổ cái các tài khoản xác định:

- Tổng chi phí bán hàng tháng 12/2011: 49.185.700đ

- Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2011: 140.704.840đ

- Tổng doanh thu tháng 12/2011: 2.485.671.992đ

Phân bổ chi phí bán hàng cho HĐKT với công an Phú Thọ như sau:

$$\frac{49.185.700}{2.485.671.992} \cdot 71.350.620 = 1.411.864\text{đ}$$

Phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp cho HĐKT này:

$$\frac{140.704.840}{2.485.671.992} \cdot 71.350.620 = 4.038.898\text{đ}$$

Như vậy ta có thể xác định được kết quả sản xuất của hợp đồng này là:

$$\begin{aligned}\text{Kết quả sản xuất} &= 71.350.620 - 65.328.680 - 1.411.864 - 4.038.898 \\ &= 571.178\text{đ}\end{aligned}$$

Sau khi xác định kết quả sản xuất cho từng HĐKT công ty sẽ có quyết định chính xác, hợp lý về cách thức ký kết và phương hướng sản xuất với từng hợp đồng, từ đó tạo điều kiện tăng lợi nhuận cho công ty.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường. Với sự ra tăng nhanh chóng, nhiều công ty đã công báo thành lập. Trong điều kiện đó thì việc tổ chức công tác kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm có ý nghĩa rất quan trọng, nó quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp. Chính điều đó đòi hỏi bộ máy quản lý phải có đủ kiến thức tổng hợp và chiến lược kinh doanh lâu dài. Trong bộ máy quản lý thì bộ phận kế toán giữ một vai trò hết sức quan trọng, phản ánh và cung cấp những thông tin cần thiết cho việc đưa ra quyết định. Vì vậy tổ chức kế toán khoa học, hợp lý toàn bộ công tác kế toán đặc biệt là kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Minh Tuyết cùng với sự hướng dẫn của thầy Nguyễn Xuân Hào em xin chọn đề tài sau là luận văn tốt nghiệp của mình.

"Kế toán bán hàng và XĐKQKD của công ty TNHH Minh Tuyết " đây là kết quả của quá trình nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học tại trường vào

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

thực tế trong công tác kế toán tại công ty. Em hy vọng với những kiến nghị này sẽ được công ty xem xét trong công tác kế toán tại công ty.

Do trình độ cùng thời gian thực tập ngắn ngủi nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Em mong được sự giúp đỡ và ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo trong bộ môn kế toán.

Em xin chân thành cảm ơn thầy Nguyễn Xuân Hào và các nhân viên kế toán của công ty đã hướng dẫn em hoàn thành bài viết của mình

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2012

Sinh viên

Hoàng Thị Hiền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình "Kế toán Tài chính" (GS.TS .NGND Ngô Thế Chi). Nhà xuất bản tài chính , Hà Nội- năm 2010
2. Giáo trình kế toán TCDN-PGS.TS Võ Văn Nhi (Trường ĐH Kinh Tế TP. HCM), NXB Tài Chính 2009
3. Giáo trình kế toán quản trị DN – PGS.TS Đoàn Xuân Tiến, NXB Tài Chính 2008
4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
5. Báo cáo tài chính của công ty qua các năm và các sổ kế toán liên quan
6. Luật kế toán Việt Nam
7. Các luận văn và bài báo cáo tốt nghiệp của những anh chị khóa trước

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MINH TUYẾT	3
1.1 Quá trình hình thành và sự phát triển của công ty TNHH Minh Tuyết	3
<i>1.1.1 Giới thiệu chung về công ty TNHH Minh Tuyết</i>	3
<i>1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty</i>	3
1.2. Đặc điểm hoạt động và cơ cấu tổ chức SXKD, tổ chức bộ máy của công ty TNHH Minh Tuyết	4
<i>1.2.1. Đặc điểm hoạt động của công ty.</i>	4
<i>1.2.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh</i>	5
<i>1.2.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy của công ty</i>	5
<i>1.2.4 Đặc điểm tổ chức sản xuất của công ty</i>	7

Báo cáo thực tập tốt nghiệp

1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty	8
1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty	8
1.3.2 Hình thức kế toán áp dụng	10
1.3.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ	12
1.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán	13
1.3.5 Tổ chức lập và phân tích báo cáo	14
1.4 Những thuận lợi, khó khăn, hướng phát triển	15
1.4.1. Thuận lợi:	15
1.4.2 Khó khăn	15
1.4.3. Hướng phát triển	16
1.5 Những đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty	16
1.5.1. Ưu điểm	16
1.5.2.Nhược điểm	17
1.6. Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp	18
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XĐKQ BÁN HÀNG	20
2.1 Đặc điểm hoạt động bán hàng	20
2.2 Các phương thức bán hàng	21
2.3.Kế toán thành phẩm:	21
2.3.1.Đặc điểm thành phẩm của công ty :	21
2.3.2 Quy định về quản lý thành phẩm :	22
2.3.3. Đánh giá thành phẩm:	22
2.3.4. Kế toán chi tiết thành phẩm	24
2.3.5. Kế toán tổng hợp thành phẩm:	32
2.4. Kế toán doanh thu bán hàng, thuế và các khoản làm giảm doanh thu.	38
2.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng	38
2.4.2 Kế toán thuế tiêu thụ và các khoản làm giảm doanh thu.	45
2.5 Kế toán chi phí QLKD	55
2.5.1 Kế toán chi phí bán hàng :	55
2.5.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp .	59

2.6 Kế toán XKQK bán hàng	59
2.7. Nhận xét đánh giá về tổ chức kế toán bán hàng và XKQKD của công ty TNHH Minh Tuyết	59
2.7.1 Những ưu điểm	59
2.7.2 Một số hạn chế	59

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện	59
3.2 Những điểm cần hoàn thiện	59
3.3 Các giải pháp hoàn thiện	59

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 59

Như sau:

Người nhận xét

Kế toán trưởng

Họ và tên người hướng dẫn khoa học: **Thầy Nguyễn Xuân Hào**

Nhận xét luận văn tốt nghiệp

Sinh viên: **Hoàng Thị Hiền**

Lớp: **K31C - CĐKT**

Đề tài: ***"Tổ chức công tác kế toán bán hàng và XĐKQ bán hàng tại công ty TNHH Minh Tuyết"***

Điểm:- Bằng số:.....

- Bằng chữ:.....

Ngày tháng năm 2012

Người nhận xét

(Ký và ghi rõ họ tên)